Phần phục lục

HÔ BÀI CHÒI

Vùng Quảng Nam - Đà Nẵng hô bài chòi có nơi còn gọi là "hô thai" hoặc "thai bài chòi". Đây là một lối hát dân ca phổ biến ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, thường đi liền với hình thức diễn xướng. Quá trình giao lưu đã lan tỏa nhiều nơi trên địa bàn tỉnh, ngày Tết nhiều làng đã tổ chức bài chòi để dân làng tham gia giải trí vui xuân.

Tết Nguyên đán, vùng Quảng Nam - Đà Nẵng có một trò chơi dân gian làm cuốn hút nam thanh, nữ tú, đấy là thú chơi bài chòi ở Quảng Nam, một loại hình sinh hoạt dân gian cổ truyền mang đậm bản sắc dân tộc, bản sắc vùng. Bài chòi là một trò chơi lành mạnh, giản dị, đến Quảng Nam - Đà Nẵng ngày xuân không làng nào là không có hô bài chòi. Bài chòi là hình thức diễn xướng gắn với trò chơi bài chòi, vừa chơi vừa thưởng thức văn nghệ, phổ biến ở trung Bộ, Trị Thiên và cả ở Nam bộ nữa. Ngày nay, hình thức tổ chức bài chòi vui xuân đã phôi pha dần cùng với thời gian, những trò chơi hiện đại được đưa vào làm cho bài chòi lui dần vào lũy tre làng, đọng lại trong ký ức những người già.

Để có một hội bài chòi vui tươi lành mạnh, tất cả mọi công việc chuẩn bị phải hoàn tất vào buổi chiều cuối năm, khi mà:

Cây nêu phất phơ ngõ trúc
Con gà bột xanh vàng nao nức
Trên mẹt hàng chợ huyện ba mươi
Con gà vàng gáy trong cổ tích xa xưa
Những sắc màu đỏ xanh còn đấy[1]

Nơi chơi bài chòi là chợ làng, người ta dùng các lều chợ làm nơi mở hội. Có khi tổ chức ở đình làng, miếu làng là nơi sinh hoạt văn hóa của công xã. Có khi người ta dựng lên mươi cái chòi bằng tre chia làm hai dãy, giữa là chòi "anh hiệu"[2].

---

[1] Thơ Dương Đăng Lợi. Hoa Tre.NXB/ĐN.1997.

[2] Là người xướng chủ yếu trong cuộc chơi có tài hô bài chòi từ những lời, câu văn lục bát theo làn điệu dân ca bào chòi - độc xướng.

Một bộ bài (cỗ bài) để chơi gồm 60 con bài (quân cờ) được chia làm ba pho, mỗi pho có chín cặp và ba cặp yêu.

- Pho vạn gồm các cặp: *Chín gối, Bánh hai, Bánh ba, Dái voi, Năm rún, Sáu tiền, Bảy tiền, Bảy liễu, Tám miễng, Chín cu.*
- Pho vạn có chín cặp: *Học trò, Nhì móc, Tam Quan, Tứ cẳng, Ngủ trưa, Lục trạng, Thất vung, Bát bồng, Cửu chùa.*

- Pho sách gồm các con: *Nọc thược, Nhì nghèo, Ba gà (ba bụng), Tứ Gióng, Năm dày, Sáu nút, Bảy sưa, Tám giây, Đỏ mỏ.*

- Và ba cặp yêu là : *Ông ầm*[3]*, Thái tử, Bạch huê.*

Bài chòi tổ chức được phải có ba người chạy hiệu, ba người này thu cờ, bán cờ, phát cờ; một người thu tiền (thủ quỹ) và một ban nhạc đệm, ngày xưa là nhạc bát âm nay đã giảm nhiều chỉ còn trống cơm, trống cái, đờn cò, trống chầu. Trống chầu có chức năng cổ động và thưởng chầu (gióng chầu liên tục để mừng người trúng được một con bài).

Chiều ba mươi Tết, sau khi rước ông bà về xong, một số nơi ở Quảng Nam - Đà Nẵng có lệ buộc phải mở hội bài chòi vào đêm trước ngày Nguyên đán. Đây là lệ có tính chất tượng trưng, người ta chỉ đánh vài ván để lấy lệ, lấy ngày. Có thể đây là buổi diễn tập nhằm phát hiện những sai sót để vẫn còn thì giờ mà sửa chữa, khắc phục. Trước khi khai hội bài chòi, vị hương chức trong làng làm lễ cúng thổ địa, thần linh và cầu khẩn điều tốt việc lành vào năm mới. Hôm sau cuộc chơi bài chòi khai cuộc từ sáng sớm. Tiếng trống chầu vang lên báo hiệu, lôi kéo dân làng đến chơi. Các tay chơi tề tựu, lần lượt chiếm các chòi và sau đó những người chạy hiệu mang bài và *cờ ngân* trên khay đến tặng chòi để bán. *Cờ ngân* màu đỏ, trị giá cho số tiền góp của mỗi chòi cho một ván bài. Nếu hội có chín chòi thì có tám cờ ngân, cờ ngân còn lại giành cho Ban tổ chức cuộc chơi xem như một thứ "tiền xâu". Ngòai cờ ngân còn có một số "cờ bài" đuôi nheo ngũ sắc đi theo bài con. Khi bán xong cờ ngân, anh hiệu tay lắc ống tre, miệng cất tiếng hát một bài lục bát hoặc là song thất lục bát để giáo đầu trò và lấy giọng hô con bài đầu tiên của buổi chơi được rút ra từ ống tre (treo, cột, đóng đinh) ở phía sau lưng, cao hơn đầu anh hiệu một chút, đây là con bài đầu tiên còn gọi là con bài *chường.*

Hiu hiu gió thổi ngọn tre
Chín chòi lẳng lặng mà nghe con bài chường

[3] Vùng Hòa Vang, Đà Nẵng đọc là ấm ầm.

Sau con bài chường là những con bài kế tiếp được rút ra. ở các chòi, mỗi khi bài tới, đã tới đến con thứ ba thì gõ mõ lên ba tiếng, có chòi lại la lên "tới ! tới !" Nghe thế, người chạy hiệu liền đem một cây cờ đuôi nheo cùng số tiền mà họ được thưởng chạy đến giao cho người chơi. Chòi "tới" mang cờ cắm lên mái chòi cho mọi người chiêm ngưỡng, đồng thời trống, nhạc họa theo bài nhạc mừng. Chòi nào tới đủ ba con bài, tức lãnh được ba cờ đuôi nheo trước là chòi đó tới, tức ăn được ván đó. Chòi tới được Ban tổ chức trao cho một cờ lớn, tiếng trống gióng lên liên tục báo tin mừng. Có chòi mua pháo đốt để tỏ rõ sự hào hứng và để mọi người có mặt cùng vui năm mới.

Thú vui của bài chòi không phải để ăn thua mà là hội nhập, thưởng thức văn nghệ qua tài nghệ của anh hiệu. Anh hiệu được xem là người trọng yếu trong hội bài chòi, không có anh hiệu tài ba xem như bài chòi mất hết niềm vui. Làn điệu bài chòi được anh hiệu vận dụng vào câu văn lục bát hoặc song thất lục bát hát lên làm mọi người chú ý. Có thể những câu lục bát đã hát nhiều lần nhưng cũng có thể là những câu hát mới, dí dỏm, thú vị, lôi kéo người chơi. Chẳng hạn để hô con bài Ông ầm (ấm ầm), anh hiệu giảng giải, gian tấu gần xa:

Tay bưng dĩa muối mà lầm
Vừa đi vừa húp té ầm xuống mương
Ông ầm huớ ông ầm

Với con bài sắp ra là Nhì nghèo, anh hiệu xa gần:

Một, anh để em ra
Hai, anh để em ra
Về em buôn, em bán
Trả nợ bánh tráng, trả nợ bánh xèo
Còn dư trả nợ thịt heo
Anh đừng lầm em nữa
Kẻo mang nghèo vì em

Và anh hiệu hô:

Nhì nghèo là huớ Nhì nghèo

Hay có khi anh hiệu hô con bài Tứ cẳng:

Một hai bậu nói rằng không
Dấu chân ai đứng bờ sông hai người
Tứ cẳng là huớ tứ cẳng

Khi xóc trên ống tre, anh hiệu rút nhằm con học trò, (liếc mắt nhìn thấy) anh hiệu chọn lời hô:

(Chớ) đi mô xách gói đi hòai
Cử nhân chẳng thấy, tú tài cũng không
Học trò huớ học trò
(...)

Anh hiệu có tài huy động liên tưởng từ con bài đến những câu lục bát tương ứng để hô. Thêm với tài ứng tác anh hiệu được xem là một nghệ nhân dân gian trên sân khấu bài chòi, tự biên, tự diễn. Câu thai của anh Hiệu phải dính dáng đến âm, nghĩa, hình tượng hoặc biểu tượng liên quan đến con bài anh hiệu bóc ra mà người chơi bài chòi nghe và chấp nhận được. Tài năng của nghệ nhân dân gian làm cho câu hô đạt trình độ thẩm mĩ hay thể hiện đạo lý chính đáng, đôi khi anh hiệu nêu lên một quan điểm, một vấn đề thời sự đang diễn ra ở địa phương.

Ngồi buồn nghĩ giận quan Tây
Bắt dân đi lính xe dây buộc mình
Phương trời mù mịt linh đinh
Biết người (ở nơi) quê kiểng thấu tình cho chăng
Tám giây là huớ Tám giây

Hoặc :

Thầu đâu, chợ Vạn[4] *giao kèo*
Anh hùng cháy túi cũng vì chị ti
Bạch Huê huớ Bạch Huê

Để người nghe có dịp cười vui. Anh Hiệu cường điệu lời hô:

Tiếc công mẹ đẻ cha nuôi
Thân con không giữ họ lùi thâu đêm
Đàn ông có một cái nêm
Đàn bà nức nhụy lại thêm mẻ đèn ?
Đàn bà sáng rực ao sen
Đàn ông giữ của... Nọc chèn hai bên
Nọc chèn huớ Nọc chèn (Nọc thược)

[4] Hai địa danh trước kia ở Quảng Nam có tiếng là nơi chứa ổ mại dâm

Trên "sân khấu bài chòi" anh hiệu ứng tác nhằm làm cho cuộc chơi lý thú, đôi khi anh hiệu dẫn dắt người chơi vào cuộc giải trí có khi sôi nổi, lúc sâu lắng:

... Bác nhìn mặt cháu (lệ) tuôn rơi
Không cha chẳng mẹ chơi vơi một mình
Nắm xương tàn xơ xác điêu linh
Mới hai tuổi rưỡi gia đình vốn không
Vì thương (con) bác gọi bác bồng
Mẹ con mất sớm đừng trông mẹ về
Chốn huỳnh tuyền cha (con) an giấc mải mê
Lâm sơn cốt nhục an bề con ơi
Bát bồng huớ Bát bồng

Thế đấy, trong tiếng trống chầu rộn rã, liên hồi, rõ ràng bài chòi ở xứ Quảng không chỉ đơn giản là một trò chơi dân gian ngày xuân, mà còn là dịp thưởng thức nghệ thuật diễn xướng hấp dẫn độc đáo của anh hiệu với người chơi qua làn điệu dân ca bài chòi đặc trưng Nam Trung bộ.

Tất cả mọi người ngồi vào chòi đều chấp nhận lệ chơi, cho nên:

Rủ nhau đi đánh bài chòi
Để cho con khóc mà lòi rún ra

Tập hợp những câu thai bài chòi đã trở thành phong phú, đa dạng, phản ánh nhiều mặt của hoạt động con người trong cuộc sống. Anh hiệu không chỉ hô có giọng tốt, hát hay mà còn phải biết kết hợp với điệu bộ như hát bội (tuồng), do đó người chơi bài chòi không thấy chán, trái lại thêm lôi kéo. Những tập hợp trên không chỉ đáp ứng nhu cầu vui chơi mà còn thỏa mãn nhu cầu thưởng thức, về mặt thẩm mỹ mà nói có thể xem là loại hình sân khấu dân gian, nó vừa tiếp thu những làn diệu dân ca, những điệu nhạc cổ, giọng điệu của tuồng... làm cho trò chơi này vươn ra trở thành văn nghệ. Anh hiệu là diễn viên, đôi khi anh trích từ tuồng hát bội, truyện thơ, truyện Tàu để hát:

Lưu Kim Đính (nói lối)
Sông tả kỳ tích
Lưu Kim Đính ngã danh
Niên kỷ vừa đôi tám xuân xanh
Kinh luân đủ lục thao, tam lược
Thuở trước thầy ta đã dặn:

(chuyển sang làn điệu bài chòi)

Thầy ta thánh mẫu Lê San
Thầy cho đồ đệ nguồn cơn thăm nhà
Mấy lời sư trưởng dặn ta
Sông Tả San tới đó tạc ra "chiêu phu bài"
Trước thời gặp lại trúc mai
Sau thời giải giá cứu ngài Triệu Vương
Bài phu tạc để một trương
Giả đò kén khách qua đường mới xong
Phải duyên ta bắt làm chồng
Vái cùng Nguyệt Lão tơ hồng xe dây

Chính sự tiếp nhận các điệu hò, lý, vè và những bài ca nhạc cổ nên hô bài chòi căn bản đủ điều kiện trở thành một loại hình sân khấu có tên "ca kịch bài chòi" vào giữa thế kỷ XX đến nay.

NHỮNG CÂU HÔ BÀI CHÒI

Đi đâu mang sách đi hòai
Cử nhân không thấy, tú tài cũng không
(Nhứt trò, Học trò)

Tay cầm sào chống lái
Mắt liếc bãi dâu xanh
ở đây đưa rước bộ hành
Thuyền nan một chiếc tử sanh trọn bề
Ghé qua bãi cát, gành nghê
Một mình chèo chống tứ bề sóng xao
Mênh mông ngang dọc một sào
Ngồi trong chùa phật kẻ gào người la
Tiếng ai văng vẳng gọi ta
Mau mau nhổ nọc mà qua rước người
(Nhứt nọc, Nọc thược)

Tiếc công mẹ đẻ cha nuôi
Thân con không giữ họ lùi thâu đêm

Đàn ông có một cái nêm
Đàn bà nứt nhụy lại thêm mẻ đèn
Đàn bà sáng rực ao sen
Đàn ông giữ của nọc chèm hai bên
(Nhứt nọc, Nọc thược)

Còn duyên làm cách làm kiêu
Hết duyên bí thúi, bầu thiu ai thèm
(Nhì bí)

Một anh để em ra
Hai anh để em ra
Về em buôn, em bán
Trả nợ bánh tráng
Trả nợ bánh xèo
Còn dư trả nợ thịt heo
Anh đừng lầm em nữa
Kẻo mang nghèo vì em
(Nhì nghèo)

Biết rằng ai có mong ai
Sao trời lại nở rẽ hai thế này ?
Có sao Hôm mà chẳng có sao Mai
Hai đàng hai đứa, tình phai hoa tàn
(Bánh hai)

Vợ lớn đánh vợ nhỏ
Vợ nhỏ chạy ra cửa ngõ, ngẩng cổ kêu trời
ớ anh ơi !
Nhất phu, lưỡng phụ ở đời đặng đâu ?
(Bánh ba)

Vợ đôi, chồng một ra gì
Mỗi người mỗi bụng ở thì sao nên
(Ba bụng, Ba gà)

Chiều chiều con quạ lợp nhà
Con cu chẻ lạt, con gà đưa tranh
Ai làm cho em bén duyên anh
Cho mây lấy núi, cho trăng thanh lấy gió ngàn

(Bà gà)

Em thương anh cha mẹ cũng phải theo
Chiếc tàu buồm kia đang chạy, quăng neo cũng ngừng
(Tam quăng)

Một hai bậu nói rằng không
Dấu chân ai đó đứng bờ sông hai người ?
(Tứ cẳng)

Đời bây giờ võ nghệ huyên thuyên
Không ai gióng được ngọn quyền cho thông
(Tứ gióng)

Ai đi ngoài ngõ ào ào
Hay là ông Tượng đạp rào ổng vô
(Tứ tượng)

Con gái đời nay hút thuốc ăn trầu
Ngồi lê dụm miệng, tìm câu nói hành
(Ngũ dụm)

Làm thân con gái chẳng lo
Ngủ trưa đứng buổi dậy đo mặt trời
áo quần thì rách tả tơi
Lấy rơm mà túm, mỗi nơi một đùm
(Ngủ trưa)

Tôi làm ăn kiếm chẳng đặng tiền
Bà con có nghĩ thưởng riêng ít đồng
Bà con có của, tôi lại có công
Nếu mà chợt lớt, đừng hòng tôi làm cho
(Ngủ trợt)

Chú giỏi sao chú chẳng đi thi
Cứ ăn xó bếp, ngủ thì chuồng trâu
Thôi thôi, tôi chẳng ưng đâu
Trạng không đỗ trạng, đừng hầu uổng công !
(Lục trạng)

(Chú giỏi sao chú không đi thi
Cứ ăn xó bếp lại ngủ khì chuồng trâu
Chú ơi ! Tui chẳng ưng đâu
Trạng không xứng trạng, có hầu cũng uổng công)

Sông bao nhiêu nước
Em bấy nhiêu tình
Lụy rơi hột hột như bình chích nghiêng
(Sáu hột, Sáu tiền)

Thật tình anh chẳng nói khoe
Một chuyến xe lửa, bao nhiêu ghe cũng không bì
(Sáu ghe)

Vái ông tơ đôi ba chầu hạt
Vái bà nguyệt năm bảy đêm kinh
Xuôi cho đôi lứa thuận một tâm tình
Dẫu ăn hột muối, nằm đình cũng ưng
(Bảy hột, Bảy tiền)

Anh nghe em tỏ lời này
Em đòi anh để[5]*, như vầy sao nên ?*
Thương nhau ăn ở cho bền
Liễu mai sum họp, đôi bên thuận hòa
(Bảy liễu)

Ngó lên hòn núi chóp vung
Thấy bảy cô gái cùng chung một nhà
(Thất vung)

Ngồi buồn nghĩ chuyện xa xưa
Trai tài gái sắc sao tày người ta
Đời nay ăn sớm ngủ trưa
Ngồi lê đôi mách, lại thưa việc nhà
(Bảy thưa)

(Ngồi buồn nghĩ chuyện xưa nay

[5] Để: Ngày nay là ly dị

Trai tài gái sắc cho tầy người xưa
Đời nay ăn sớm ngủ trưa
Ngồi lê đôi mách bỏ thưa việc nhà
(Bảy thưa huớ bảy thưa)

Ai làm cá bông đi tu
Cá thu nó khóc, cá lóc nó rầu
Lụy rơi hột hột, cơ cầu lắm bớ em !
(Tám hột)

Trăng già vì bởi núi non
Để anh lên xuống có con em bồng
Trống thùng ai vỗ lên boong
Cho duyên gặp gỡ, bõ công anh tìm
(Bát bồng)

Ngồi buồn nghĩ giận quân Tây
Bước ra đi lính, xe dây buộc mình
Phương trời góc biển lênh đênh
Người thương có thấu chút tình cho chăng ?
(Tám dây)

Đi đâu chẳng biết đi đâu
Bởi chưng miếng thuốc, miếng trầu nên thương
Vì ai cho dạ vấn vương
Bốn phương tám hướng, em thương miền nào?
(Tám miễng)

Tiếc công bỏ én nuôi cu
Cu ăn cu lớn, cù gù cu bay
Cu say mũ cả áo dài
Cu chê nhà dột, phụ hoài duyên em
(Chín cu)

Đêm nằm gối gấm không êm
Gối lụa chẳng mềm bằng gối tay em
(Chín gối)

Chồng con chi nữa lùa tua
Vai mang chuỗi hạt lên chùa đi tu

Chùa làng không có phật tu
Mà anh mang gói đi tu chùa người ?
(Cửu chùa)

Thắt văng, ông cụ chi yêu
An đức cửu điều, lại kém người nom
(Cửu điều)

Đổng Trác xưa bẻ nạng chống trời
Có thằng Lữ Bố nối đời Ngô vương
Dốc lòng ẩn tuyết sơn son
Nối ngôi thiên tử cho con Điêu Thuyền
Cho nên Đổng Trác mất quyền Hán gia
Ôi Hán gia giao hòa khó bước
Trả nợ này một tấc giang sơn
(Bạch huê)

Nghèo mà làm bạn với giàu
Ngồi xuống đứng dậy nó đau cái đì
(Bạch huê)

Tay bưng đĩa muối mà lầm
Vừa đi vừa húp, té ầm xuống mương
(Ông ầm, ấm ầm)

Thạch Sanh có phật chứng minh
Cứu con vua Thủy một mình dưới hang
(Thái tử)

NÓI VỀ LÔ TÔ[6]

Nói chuyện hô lô tô, trò chơi "hô lô tô" dân gian, từ nước Pháp du nhập vào đất Nam kỳ cũ.

Từ nguồn gốc, mọi người có thể chơi từ một đến nhiều tấm giấy bìa cứng đặt trước mặt. Mỗi tấm hình chữ nhật có bốn hàng số theo chiều ngang mỗi hàng có 5 ô chứa 5 con số khác nhau. Người chơi theo dõi và chờ đợi từng mỗi con số

[6] Theo Trương Đình Quang, QNĐN chủ nhật Xuân Mậu Thìn 1988.

dán trên giấy bìa do người cầm cái rút ra từ một chiếc túi. Ai trúng đủ năm số trước là được cuộc, tức là cờ kinh.

Đến vùng đất mới này, trò chơi lô tô được kết hợp với diễn xướng nói vè. Ai có giọng hô hấp dẫn thuộc nhiều câu vần vè thì có thể thay nhau hô lô tô; người hô vừa móc con cờ (con số bằng gỗ tròn) đựng sẵn trong túi vải. Người dự cuộc chơi đều ngồi chung quanh hồi hộp lắng nghe và phỏng đóan con số nào đó mà mình đang mong đợi qua ý nghĩa của câu vè. Ai về đủ năm con số thì được cuộc, thường gọi to chữ "kinh".

Thể loại hô diễn này đến đất Quảng vào đầu những năm 40 của thế kỷ thứ XIX, với các gánh bán thuốc dán và các thứ thuốc khác (bổ huyết, khử phong, điều kinh, tam tinh, hải cẩu, bổ thận hoàn...).

Các gánh bán thuốc này chào đón bà con địa phương với lời rao mở đầu, sáng tác kịp thời, chân chất, gần gũi với nói vè; mỗi câu được chấm dứt bởi một nét roi trống "Tốc tốc xảng". Lời rao như sau:

Thưa bà con cô bác
Chúng tôi ở tại Sài Gòn
Lòn ra Phan Thiết
Xiếc ở Nha Trang
Lang thang rồi mới tới Hội An
Quảng cáo thứ gì ?
Dạ thưa quảng cáo thuốc dán
Bao nhiêu tiền một miếng ?
ở Sài Gòn, Chợ Lớn bán 2 cắc một miếng
Ông nào dùng lên tiếng
Bà nào dùng lên tiếng
Chúng tôi hầu đem tới hai tay tận nơi
Rồi làm trò khác coi chơi
Tả lộ[7] *lên ! á !*

Tống tốc xảng kéo dài cho đến khi người rao ra lệnh dừng để nhóm xiếc (người hoặc thú vật), nhóm magi (ảo thuật) trình diễn hoặc đổi lời rao môn thuốc mới.

Thường chen vào giữa việc quảng cáo ba môn thuốc, gánh thuốc cho đông đảo khách hàng xem vài tiết mục nhào lộn, trồng chuối (trồng người), xiếc khỉ đấu kiếm, đánh đao, nhai bóng đèn, ngậm dầu phun lửa...

[7] Đánh trống lên (tiếng Trung Quốc).

Để đổi màu sắc cho việc quảng cáo và lôi cuốn khách hàng, gánh thuốc tổ chức trò chơi đánh lô tô. Vé số chơi phát không, quà thưởng là thuốc. Nhóm hô diễn lô tô thường có một trai, một gái có giọng tốt (tất nhiên là biết ca điệu cải lương), một người đánh trống con và thanh la nhỏ, một người kéo đàn cò, một người thổi kèn tiểu (đều do những người làm xiếc hoặc bán thuốc kiêm nhiệm).

Đàn có đệm tông biến hóa theo giai điệu trống con và thanh la trộn đảo dẫn nhịp kèm tiểu chơi nét dạo đầu, lưu ý không bắc cầu và nét kết đuôi khúc, hô:

Lời hô không dính líu đến tên thuốc

- Con vượn bồng con
Lên non hái trái
Tôi cảm thương nàng
Phận gái mồ côi
Con số một ôi !

Trương Long, Triệu Hổ
Vâng lệnh Bao Công
Bắt lạc Mạo Phong
Bắt lầm Hải Thọ
(là) con số hai đó !

Lời hô giới thiệu tên và công dụng của thuốc

Thuốc bổ "*Ông tiên*"
Bà con bên vợ
Cậu mợ bên chồng
Những đứa ho phong
Cùng là ho gió
Trước hết chẳng lo
Để sau ho nữa
Đàn bà có chửa
Uống chẳng kỵ thai
Con số ba mươi hai!

Những nét giai điệu cho nghe thấy sự pha trộn hai chất liệu: dân gian, mộc mạc từ nói vè, gần gũi đồng giao; biến hoá có màu sắc điệu Hồ Quảng (tức các điệu Bì Hoàn của kịch hát Trung Quốc du nhập vào kịch hát cải lương từ những năm 30).

Ở Quảng Nam, trong kháng chiến chống Pháp, nghệ nhân hô diễn dân gian, bên cạnh nói vè, hô thai, hò khoan... cũng hô lô tô với chất liệu vè Quảng (tức nói vè thể 4 từ, 5 từ) pha trộn đôi chút chất liệu Hồ Quảng vào những chỗ mang tính chất rộn ràng, tươi tắn.

Bấy giờ, trong những vở kịch dân ca, người viết thường dùng lối hô này cho loại nhân vật với tính cách sôi nổi, hăng hái. Cũng có lúc kịch hát bài chòi dùng lối hô này. Qua nghiên cứu và thực nghiệm, hiện nay người ta không dùng nó trên sân khấu nữa. Hô lô tô còn sống bền vững với trò chơi đánh lô tô (thật ra là trò cờ bạc) được tổ chức rầm rộ vào Tết âm lịch vì khá nhiều người lầm tưởng là một trò chơi dân gian cổ truyền trong nền văn hóa dân tộc. Hình thức hô lô tô này, ngày nay được biến tướng từ con số 00 đến con số 99, lời hô được đặt ra khá sâu sắc, kết chặt cùng với sự phát triển của xã hội, có lời khuyên răn, khuyến khích, có lời chê trách, giữ gìn nên tránh, có lời quảng bá, giới thiệu cảnh đẹp thiên nhiên, con người dũng cảm, hiền từ, độ lượng trên địa bàn quê hương; nhiều lời bầy tỏ tình yêu thương nam nữ, than thân, trách phận từ hò khoan đối đáp, ca dao, dân ca cũng được vận dụng trong các lời hô lo tô ngày nay.

NHỮNG BÀI VÈ LÔ TÔ[8]

Mừng xuân...[9]
Anh một nhành mai
Đúng anh là trai
Xứ...[10] *đất Quảng*
Lâu ngày gặp bạn
Xin mời vui xuân
Mồng bốn ra quân
Em đi trồng sắn
Khe Răm đầy nắng
Xuân lộc đâm chồi
Nghe ấm tiết trời
Xanh cây tươi tốt
(Con số 1)

Gió xuân mát mẻ

[8] Võ Văn Hòe st.
[9] Đọc năm vào. Ví dụ: mừng xuân không hai (2002).
[10] Ví dụ : xứ Hòa (Hòa Vang), hoặc xứ nào đấy là tên của địa phương thì đọc vào.

Anh chị cầm tay
áo đẹp tung bay
Nói cười vui vẻ
Bên nhau thỏ thẻ
Hạnh phúc tràn trề
Đẹp nghĩa phu thê
Trăm năm chung thủy
Một lòng yêu quý
Tình nghĩa sắt son
Gia đình vẹn toàn
Đẹp tươi xã hội
Hôn nhân luật mới
Đã rõ rành rành
Cùng nhau chấp hành
Thực hiện cho tốt
(Con số 1)

Dân ta cùng quyết
Dẹp bỏ hòan toàn
Mê tín dị đoan
Bóng đồng xem quẻ
Người đang mạnh khỏe
Cúng tế đặt bày
Bùa lú ma chay
Coi thường bác sĩ
Sợ ma sợ quỷ
Tiền mất tật mang
Bệnh viện thuốc thang
Mới là điều tốt
(Con số 1)

Xuân về tươi nắng
Đất nước nở hoa
Công trường mở ra
Lúa mùa trĩu hạt
Biển khơi xanh ngát
Sừng sững giàn khoan
Thủy điện Trị An
Sông Đà nước réo
Trâu cày máy kéo

Cần mẫn ngày đêm
.....Có thêm
Nhiều ngôi trường mới
Lòng vui phấn khởi
Cây trái nhớ mua
Nhà nhà thi đua
Muôn người như một
(Con số 1)

Chồng một, vợ một
Chỉ đẻ hai con
Hạnh phúc vuông tròn
Gia đình êm ấm
Bữa cơm rau mắm
Vẹn nghĩa trọn tình
Lợi ích cho mình
Lợi chung xã hội
Con đường đi tới
Hạnh phúc tương lai
(Con số 2)

Nhà nước của ta
Phát hành công trái
Nhân dân hăng hái
Hưởng ứng mua nhiều
Vượt qua chỉ tiêu
Đón chào phơi phới
Nhà nước hồ hởi
Công trái vượt cao
Sôi nổi phong trào
Đang đà tiến triển
Nhận thức chuyển biến
Ý nghĩa sâu xa
Ích nước lợi nhà
Cùng nhau hưởng ứng
Chung tay xây dựng
Bền vững tương lai
(Con số 2)

Chăm lo sản xuất

Củng cố quốc phòng
Ta phải ghi lòng
Cả hai nhiệm vụ
Quyết tâm đầy đủ
Thực hiện cả hai
(con số 2)

Một bầy nheo nhóc
Đứa trước đứa sau
Con ốm mẹ đau
Cả nhà lục đục
Đâu còn hạnh phúc
Êm ấm gia đình
Chồng vợ đồng tình
Chỉ sinh hai cháu
Dù trai hay gái
Quyết cũng xin cai
(con số 2)

Anh ở biên cương
Dãi nắng dầm sương
Canh trời giữ đất
Bảo vệ Tổ quốc
Gìn giữ quê hương
Em ở hậu phương
Việc nhà việc nước
Lo tròn sau trước
Quyết chẳng thua ai
(Con số 2)

Mừng xuân pháo nổ
Mùa cưới đang vui
Rạng rỡ nụ cười
Lứa đôi hạnh phúc
Xuân về xin chúc
Các chị các anh
Vui lập gia đình
Cứ theo lối mới
Cùng nhau đi tới

Trụ sở ủy ban
đăng ký đàng hoàng
Giấy tờ hợp thức
Lễ nghi đúng mức
Nhà gái, nhà trai
(Con số 2)

Một con em hãy còn son
Hai con em vẫn còn dòn còn xinh
Đẹp sao hạnh phúc gia đình
Thôi đừng sinh nữa, chúng mình xin cai
(Con số 2)

Trời đã sinh voi
Sao không sinh cỏ
Chuyện to chuyện nhỏ
Nghe được trong nhà
Tiếng vào lời ra
Giữa chồng với vợ
Thiệt là dễ sợ
Bà đẻ chi nhiều?
Vì ông tôi chiều
Nói ra nông nổi
Vợ chồng xin khỏi
Trách lại trách quan
Trăm sự tại ta
Không đi kế hoạch
Thật đáng chê trách
Rất nên chê bai
(Con số 2)

Công cha (em) chưa trả
Nghĩa mẹ (em) chưa đền
Em vội xách mềm
Cuốn gói theo ai
(con số 2)

Đồng quê rộn rịp
Ba vụ lúa vàng
Xã viên hân hoan

Vụ mùa khóan mới
Khóan theo đơn giá
Khóan theo hợp đồng
Xã viên hợp đồng
Làm ra sản phẩm
Nhà nhà no ấm
Ba vụ hài hòa
Hợp tác nở hoa
(Con số 3)

Ba nước Đông Dương
Cùng chung bán đảo
Đồng cam cộng khổ
Vì lợi ích chung
Chiến đấu đến cùng
Cho nền độc lập
Giữ từng tấc đất
Biên giới vẹn toàn
Ba nước kết đòan
Keo sơn tình bạn
Non mòn biển cạn
Đẹp mãi tình ca
Là con số ba
(Con số 3)

Quê ta nhộn nhịp
Dưới biển trên ngàn
Ba vụ lúa vàng
Trĩu bông nặng hạt
Vui đồng hợp tác
Vui lòng xã viên
Đêm ngày cần chuyên
Nước phân chăm bón
Lúa đang chờ đón
Diệt cỏ trừ sâu
Năng suất lên cao
Lúa vàng bát ngát
Rộn vang tiếng hát
Trên đồng quê ta
(Con số 3)

Xuân về xin nhắc
Rượu uống vài ly
Chớ nên ly bì
Say xưa quá chén
Năm dài xuân ngắn
Rượu vào lời ra
Đủ chuyện ba hoa
Người khôn hóa dại
Nói năng lải nhải
Đi ngả đứng nghiêng
Dở khùng dở điên
Còn đâu phẩm giá
Xuân về xin nhớ
Nhậu nhẹt tránh xa
(Con số 3)

Cuối năm tổng kết
Pháo nổ giòn tan
Tiệc tùng liên hoan
Phong bì quà biếu
Xe con dắt díu
Chiếc trước chiếc sau
Người người theo nhau
Miệng ăn tay xách
Thật đáng chê trách
Tiết kiệm thế a ?
(Con số 3)

Ngành nghề phát triển
Nông nghiệp hàng đầu
Đáp ứng nhu cầu
Phục vụ đời sống
Thương nghiệp mở rộng
Tín dụng đề cao
Đẩy mạnh phong trào
Nông, công, thương, tín
Mô hình hoàn chỉnh
ích nước lợi dân
Xóm thôn xa gần

Làm nhanh khắp chốn
(Con số 4)

Bói thì ra ma
Quét nhà ra rác
Thày bói nói khóac
Đồng bóng quàng xiên
Nói đảo nói điên
Trắng đen lẫn lộn
Nói năng lộn xộn
Nói quỷ nói ma
Thần thánh ba hoa
Cúng quảy thêm tốn
(Con số 4)

Mừng xuân năm mới
Nhớ tới năm qua
Nhớ gần nhớ xa
Hai mươi năm trước
Xuân về náo nức
Đồng lọat tấn công[11]
Dịp Tết Mậu Thân
Dành nhiều thắng lợi
Trẻ già mong đợi
Chiến thắng đầu năm
Lừng lẫy tiếng tăm
Là con số năm
(Con số 5)

Ngũ Hành Sơn năm cụm
Thắng cảnh tỉnh ta
Bạn bè gần xa
Ngợi ca vẻ đẹp
Thứ hạng được xếp
Tầm cỡ quốc gia
Hướng biển đảo xa
Có đài Vọng Hải
Thiên nhiên ưu đãi

[11] Xuân Mậu Thân 1968

Động đẹp Huyền Không
Từng ghi chiến công
Anh hùng diệt Mỹ
Cảnh đẹp hùng vỹ
Mời bạn đến thăm
(Con số 5)

Ra khơi bám biển
Đánh bắt ngày đêm
Thuyền về cá đầy
Lòng vui hồ hởi
Vui mùa cá nổi
Vụ vụ cá nam
Đánh bắt quanh năm
Là con số 5
(Con số 5)

Khắp phường khắp huyện
Kể chuyện mà nghe
Cụ Tám Thanh Khê
Con trai bốn chú
Đi làm nghĩa vụ
Ai cũng khen cụ
Nay mùa tuyển quân
Cụ đem giao luôn
Cậu thứ năm út
Bảo vệ Tổ quốc
Đuổi giặc ngoại xâm
Là con số năm
(Con số 5)

Có cô con gái
Tuổi mới hai hai
Đã phải nằm dài
Ôm năm con nhỏ
Hỏi ra mới rõ
Năm trước mới ba
Năm nay lại ra
Thằng cu thứ bốn
Nay vừa cắt rốn

Lại có đứa năm
(Con số 5)

Trời thu nắng đẹp
Rợp bóng chim câu
Trên khắp hoàn cầu
Từ âu sang á
Tiếng cười rộn rã
Mừng tết thiếu nhi
Tất cả đều vì
Tương lai con cháu
(Con số 6)

Là ngươì tài xế
Lái xe chuyên cần
Xe đi an toàn
Xe về yên ổn
Xe qua khắp chốn
Miền núi thị thành
Xe qua đồng xanh
Qua đèo qua dốc
Qua nơi đông đúc
Tay lái vững vàng
Bảo đảm an toàn
Mong anh hiểu thấu
(Con số 6)

Anh đi bộ đội
Xin chớ lo xa
Con cái ở nhà
Có em lo liệu
Xin đừng bận bịu
Công việc gia đình
Tình yêu chúng mình
Vẹn toàn sau trước
Vững chân tiếp bước
Truyền thống cha ông
Son sắt một lòng
Bền gan chiến đấu
(Con số 6)

Phố phường nhộn nhịp
Xe cộ dập dìu
Tan tầm chiều trưa
Người như chẩy hội
Mấy lời trao đổi
Các bạn thanh niên
Xin chớ ngang nhiên
Dăng hàng chắn lối
Phóng bừa vượt ẩu
Quá cẳng găng tay
Vỡ mặt sứt mày
ấy là thói xấu
(Con số 6)

Mắt la mày lét
Một bọn con phe
Hàng phơi đầy hè
To mồm thách giá
Chật đường chật xá
Túi kẹp bên vai
Giá đắt gấp hai
Thẳng tay vơ vét
Chính quyền cương quyết
Dẹp bọn con phe
Chớ có lẻo nghề
Mánh mung phe phẩy
(Con số 7)

Ai người ăn trái
Nhớ kẻ trồng cây
Có ngày hôm nay
Nhớ người đi trước
Vì dân vì nước
Dũng cảm hy sinh
Liệt sĩ thương binh
Tận tình chăm sóc
Ngày lễ, ngày tết
Các cấp các ngành
Các chị các anh

Quan tâm hết thảy
(Con số 7)

Xuân về xin nhắc
Các cháu thiếu nhi
Đốt pháo lắm chi
Gây ra tai nạn
Thiệt mình hại bạn
Làm khổ mẹ cha
Chớ có la cà
Những nơi cờ bạc
Bắt chước sát phạt
Tôm cá cua bầu
Chớ có đánh nhau
Sức đầu lỗ trán
Chớ có láng váng
Quán nhậu rượu chè
Chớ có lạng xe
Hàng ba hàng bảy
(Con số 7)

Làm ăn láng váng
Mấy thằng lưu manh
Bỏ học bỏ hành
Theo đòi sống gấp
Đêm ngày ăn nấp
Các quán cà phê
Bạn bè rủ rê
Ăn chơi trác táng
Chợ ga hàng quán
Rập rình đêm ngày
Kìa bọn dối thầy
Mánh mung cướp giật
Dạo người trấn lột
Bị bắt quả tang
Về đồn công an
Hết đời ăn bám
(Con số 8)

Trồng dâu nuôi tằm

Ươm tơ dệt lụa
Phân tốt cho lúa
Lụa tốt cho người
Rộn rã tiếng cười
Trong làng ngòai xóm
(Con số 8)

Mậu Thìn đã đến
Gợi nhớ Mậu thân
Nổi dây tấn công
Diệt quân Mỹ ngụy
Khắp các thành thị
Tiếng súng nổ vang
Nhân dân xuống đường
Ào ào thác đổ
Giặc Mỹ hùng hổ
Buộc phải xuống thang
Tớ, thầy hoang mang
Phải ngồi đàm phán
(Con số 8)

Đầu cơ trục lợi
Bán lậu buôn gian
Mậu dịch tuồn hàng
Cho quân phe phẩy
Vốn ba lời bẩy
Phá rối thị trường
Tiếp tay gian thương
Làm điều mờ ám
(Con số 8)

Ai lên Đại Lộc
Ai ghé An Điềm
Công trường ngày đêm
Rộn ràng tiếng máy
Tận mắt nhìn thấy
Đào núi ngăn sông
Nay mai chặn dòng
Nước làm ra điện

Mùa xuân én liệng
Con người hả hê
Điện sáng vùng quê
Vui làng vui xóm
(Con số 8)

Một nong tằm là năm nong kén
Một nong kén là chín nén tơ
Thương em anh đợi
Yêu em anh chờ
Chớ có lững lờ
Nhởn nhơ ong bướm
Để anh mơ tưởng
Đường gần hóa xa
Tình yêu đôi ta
Không bao giờ đến
(Con số 9)

Nước nhà độc lập
Hơn bốn chục năm
Lừng lẫy tiếng tăm
Trên tòan thế giới
Đầu xuân năm mới
Anh mới hỏi em
Tháng tốt ngày lành
Mùa thu năm ấy
Em có nghe thấy
Anh nói không sai
Tháng chín ngày hai
Đảng cần suy tính
(Con số 9)

Chuột ơi là chuột
Mi chạy cái vụt
Nổi tiếng là nhanh
Mi rúc mái tranh
Mi cho là kín
(Con số 9)

Tì vai áp má
Nín thở bóp cò
Anh nhớ kỹ cho
Kỹ thuật xạ kích
Nhắm cho trúng đích
Đạn trúng điểm đen
Ai cũng ngợi khen
Xạ thủ bắn giỏi
Vượt qua mệt mỏi
Bỏ công luyện rèn
Vất vả mới lên
Nụ cười sung sướng
Mừng anh em thưởng
Hoa hồng thắm tươi
Là con số mười
(Con số 10)

Vui xuân lên nhớ
Trật tự trị an
Toàn dân sẵn sàng
Đề cao cảnh giác
Phải mau dập tắt
Luận điệu tuyên truyền

Xuyên tạc chủ trương
Gạt lừa dân chúng
Mọi người ai cũng
Cảnh giác đề phòng
Phố chợ bến sông
An toàn tuyệt đối
Vui chơi ngày hội
Vang tiếng hát cười
(Con số 10)

Vàng nung trong lửa
Rõ thật vàng mười
Đối với con người
Khó khăn thử sức
Hiểm nguy hết mực
Lòng vẫn sáng trong

Trước sau một lòng
Làm theo lẽ phải
Giữ gìn mãi mãi
Phẩm giá con người
(Con số 10)

Thấy anh trai trẻ
Em cũng muốn yêu
Nhưng trách một điều
Quần loe áo hở
Lao động thì sợ
Chỉ thích lè phè
Chui rúc vỉa hè
Ôi quá (là) vô duyên
(Con Mười nguyên)

NHỮNG BÀI HÁT SẮC BÙA

Cái kể:[12]
-Nhớ xưa Nghiêu, Thuấn[13]
Người ở non Lịch Sơn
Tưởng thấy cố nhơn
Xuống cày giúp ruộng
Chim kia liền bay xuống để mà tha
Thiên hạ đồn xa vua Nghiêu thấy lạ
Rước về gả hai nàng Bạch Thị, Nga
Hoàng nhỏ mà có chí[14]
Trong ý sinh ra, thuộc việc nông tang, dạy dân bắt chước
Lập vườn tược, từ bấy đến nay có bụi cốc để làm giống má

[12] Bài sử dụng cho hát Sắc bùa trong dịp Tết nguyên đán, chúc gia đình làm nghề nông.

[13] **Nghiêu, Thuấn** = vua Nghiêu nhà Đào Đường còn gọi là Đường Nghiêu 2.356 - 2.255 trước công nguyên. Vua Thuấn nhà Hữu Ngu 2.255 - 2.205 trước công nguyên,bên Tàu. Vua Nghiêu sai ông Hy Hòa làm lịch cho dân biết ngày giờ mà làm ruộng, lịch ấy có 360 ngày một năm, có tháng nhuần, bản thân nhà vua từng cày ruộng ở Lịch Sơn. Dân sống dưới đời vua Nghiêu rất sung sướng, tự cày cấy đất lúa mà ăn, đào giếng lấy nước mà uống, nhân dân hưởng cảnh thái bình an lạc. Vua Nghiêu nhờ có ông Thuấn đi thú bốn phương, tiếp kiến với các chư hầu, giữ được giềng mối của nước bền vững. Về sau vua Nghiêu truyền ngôi cho ông Thuấn, vua Thuấn đóng đô ở Bồ Bản (huyện Ngu Hương, Hà Đông ,Sơn Tây), cho phát triển thủy lợi. Dân tình sống trong cảnh thái bình thạnh trị. Theo đó, về sau bàn việc làm ruộng thường nhắc đến đời Nghiêu, Thuấn để ca tụng chính sách hoàn hảo trong việc chủ trương Vương đạo của hai vị vua nhân đức. Trong ***Sãi Vãi*** có câu: *Chúa sánh chúa Đường Ngu, tôi ví tôi Tắt Tiết.*

Mấy đám gò khai phá, dòng lưu thủy đắp bồi
Có đôi trâu ở núi Đông Lôi
Trời sai xuống giúp dân làm ruộng
Thần nông rộng lượng
Dạy dân đóng cày bừa
Phút bây chừ điều gió, thuận mưa
Vua khuyên bảo dạy dân làm ruộng.

Con xô:
-Làm ruộng, làm ruộng
Cày lên trở xuống
Cuốc góc đắp bờ
Chỗ sâu ta chừa
Chỗ gò ta dựng
Mấy chỗ khô cứng
Trăn trở cho mềm
Kêu các chị em
Nhổ mạ cùng cấy
Không cấy lúa bén
Cùng là nê đen
Ai ai cũng khen
Ruộng nầy đã tốt
Bông dài duồn duột
Dé thẳng mà dài
Có gái có trai
Trâu xe trâu chở
Trong nhà rực rỡ
Nhà dãy nghênh ngang
Để hết kho tàng
Đủ ăn, đủ để.
&

-*Cái kể:*[15]
Nhớ xưa Vương Mẫu[16]
Nằm mê thấy nhện giăng

[15] Bài sử dụng trong hát Sắc bùa nhân dịp Tết nguyên đán, chúc gia đình làm biển.
[16] **Vương Mẫu** = tức bà Tây Vương Mẫu, một vị nữ thần có pháp thuật cao cường, dạy dân làm ruộng, đánh bắt cá. Bà có họ là Dương tên Hồi, lại có tên Uyển Căn. Con cháu tôn xưng tổ mẫu là Vương Mẫu. Trong **Bích Câu Kỳ Ngộ** có: *Tỉnh say Vương Mẫu, mơ màng Lão Quân.*

Dạy dân làm ăn
Lưỡi săn, lưỡi cá
Sắm thuyền cùng dã
Nò ró đấy đăng
Mặc sức biển sông
Giàu lòng bủa kéo
Hôm mai gió dịu
Cá chở hai thuyền
Ông bà cho ăn
Tiên sư giúp vận
Nghề ngư thong thả biển đông
Mành phơi lưới bủa dập dìu chiều mai
Buổi mai cho chí xế chiều
Thợ nào bạn nấy, bủa nhiều lắm thay[17]
Chở vô ta bán bèn nay
Tiền trăm bạc chục, thợ bạn rày chia nhau
Mặc sức chủ, thợ bạn làm giàu
Thờ cha kính mẹ, mai sau đặng nhờ
Chung tình chủ, bạn đồng ưng
Các nghề sắm đủ đã vừa lòng ông.

-*Con xô:*
Đẩy lưới, đẩy lưới
Lưới quét, lưới quanh
Lưới mành lưới lội
Cá bò cá đối
Cá trích cá móm
Cá nục cá cơm
Cá thu cá giống
Ông mới đổ đống
Đổ đống đầy nhà
Ông mới chia ra
Mỗi phần chục gánh
Rồi ông sẽ tính
Có đứa mấy phần
Đứa nào ở gần
Thì hay đi sáng
Mất phần cũng đáng

[17] **Bạn** = những người đi làm công cho chủ ghe đánh bắt cá gọi là *bạn. Đi bạn.*

Mất phần cũng ưng
Kẻ cất ngoài đường
Làm cho nó sợ
Nhiều thằng cũng đỡ
Không một mình ta.

&

-*Cái kể*:[18]
Nhớ xưa có ông Lỗ Ban[19]
Tài trí khôn ngoan
Chạm con diều gỗ
Đã bay lại đỗ
Cho cha cưỡi chơi
Cưỡi qua nước người
Nước Ngô bèn giết
Làm người thương tiếc
Làm kẻ mến ta
Ngài nói hóa ra
Một con nạm gỗ
Ngón tay lồ lộ
chỉ qua nước Ngô
Hạn hán ba năm
Lúa mạ cháy khô
Dưng lễ dưng vật[20]
Đem qua thú tạ
Gẫm người cũng lạ
Bèn dứt ngón tay
Nước Ngô mưa rày
Phong điều vũ thủy
Nhỏ mà có chí
Lớn lại có công
Truyền xuống cho dân
Học nghề thợ mộc.

-*Con xô:*

[18] Bài trong hát Sắc bùa nhân dịp Tết nguyên đán, chúc gia đình thợ mộc.
[19] **Lỗ Ban** = tên một người thợ mộc có tiếng vào thời Xuân-Thu ở nước Lỗ, bên Tàu, cũng gọi là Công Du. Về sau, Lỗ Ban trở thành ông tổ của nghề thợ mộc. Trong thơ có câu: *Cậy tài múa bút khoe văn giỏi, Múa búa Lỗ Ban gẫm nực cười.*
[20] **Dưng lễ:** tức dâng lễ vật.

Thợ mộc, thợ mộc
Đẽo bào ky cúc
Chạm trổ tối ngày
Khéo léo chân tay
Đường vân chỉ đậm
Lèo giường lèo ghế[21]
Chỉ niễn ngoài trong
Ông thọ khôn ngoan
Ai ai cũng muốn
Lệnh trên phân xuống
Thưởng thọ bằng vàng
Phú quý giàu sang.

&

-*Cái kể:*[22]
Nhớ xưa Lữ Vọng ở chốn Thạch Bàn[23]
Việc dệt cùng truyền lại cho ta
Bông Đồng Nai người mới cho ra
Gió[24] Trà Kiệu Quảng Nam đưa lại
Mặc sức chị em ta làm vải
Rủ nhau đi mua bông
Mặt lượng, mặt đồng, mặt cân đều biết
Bông nhiều tiền ít, giá hăm hăm[25]
Đem bông về cân, về bán lăng xăng
Giá bán giỏi giang

---

[21] **Lèo giường, lèo ghế =** là giường đóng bằng tre chỉ một người nằm. Có ba loại giường lèo: 1/loại mặt giường thẳng, có bốn chân 2/ loại mặt giường cong như dấu ngã chỉ có hai chân trước, hai chân sau là hai thanh giường chống đất. 3/ loại mặt giường cong như dấu ngã, chân giường đứng trên hai nẹp tre cong hình cung, giường có thể đưa nhịp nhàng được. Giường lèo phổ biến ở vùng nông thôn, rộng 0,60 m, dài 1m-1,2 m dùng để nằm hóng mát, đọc sách, nghỉ trưa, thường đặt ở nhiều vị trí trong vườn, trong nhà, không cố định.

[22] Bài nầy dùng trong hát Sắc bùa nhân dịp Tết nguyên đán, chúc gia đình dệt vải.

[23] **Lữ Vọng** = tức Lã Vọng, tên là Khương Tử Nha.Tổ tiên ông có công được phong ở đất Lã nên gọi là Lã Thượng. Thường câu cá trên sông Vị đến hơn 80 tuổi, Chu Văn Vương một hôm đi săn về gặp Lữ Vọng, vua thấy ông có tài, vua nói: Tự ngô tiên quân Thái công viết*:"Đương hữu thánh nhân thích Chu, Chu dĩ hưng, tử chân thị gia! Ngô Thái công vọng tử cửu hỉ !"=Từ Thái công tiên quân của ta đã nói: Hiện có thánh nhân đến giúp nhà Chu, nhà Chu sẽ hưng thịnh. Chính ngài là thánh nhân đó chăng?Vua cha ta trông mong ngài đã lâu lắm rồi đó*.Và đặt tên cho ông là Thái công vọng. Về với nhà Chu Lã Vọng lập công lớn giúp vua Văn Vương và con là Vũ Vương xây dựng sự nghiệp lớn. Trong **Bạch Vân Quốc Ngữ** thi tập có: *Kìa kìa Lã Vọng câu Bàn Thạch, Nọ nọ Nghiêm Quang náu Phú Xuân.*

[24] **Gió**: cây vỏ gió, cùng loại với cây trầm.

[25] **Hăm hăm**: lên nhanh.

Trăng rằm tỏ rõ
Xe con cúi nhỏ
Sạch rác dễ làm
Quay cho sẵn sàng
Chị em làm vải

- *Con xô:*
Làm vải, làm vải
Nào ai truyền lại
Cho chị em ta
Sẵn quay cùng xa
Cầm cung ống giựt
Sắm ống, sắm trục
Sắm gỗ, sắm go
Nào ai truyền cho
Là cái xa cán
Bày ra giàn giạn[26]
Là cái vày tay
Ngó lên trên đầu
Là con mỏ ác
Ngó xuống bàn đạp
Là cái đòn giông
Bông làm ra vải
Lời lãi vô song
Lúa để đầy nong
Tiền chôn đầy chĩnh
Sớm mai thủng thỉnh
Đi chợ bán chơi
Lời lãi vô hồi
Vải nầy rộng khổ
Tiền chôn đầy lỗ
Lúa để đầy nhà
Bảo hộ toàn gia.

&

[26] **Giàn giạn**: (Phương ngữ) bày ra ngăn nắp.

-*Cái kể:*[27]
Tây lăng buổi trước
Người ở chốn Bồng lai[28]
Có đôi tằm ở non đoài
Giữ một lá buồm tang[29]
Ăn hết ăn rồi lộn kiếp
Làm ổ trên cây
Đức nữ bà lấy giống về rày
Ươm làm chỉ thêu hoa dệt gấm
Tây lăng ngồi ngẫm
Hỏi giống đó là chi
Ngư nói: tằm kia sinh vật
Tây lăng nghe được
Cho xuống dưới trần
Rao dân phàm đâu đó xa gần
Đều bắt giống để tằm thay thảy.

- *Con xô:*
Để tằm, để tằm
Để lứa đầu năm
Để tằm thành tốt
Đến chừng ăn mốt
Cho chí ngũ lên
Vận khá làm nên
Tràn nong tràn đuôi
Ống tằm dặm đuội
Cái kén vàng hườm
Mé bán, mé ươm
Tơ tơ, lụa lụa
Cậu giàu thóc lúa
Lại có tơ tằm
Các vật đủ ăn.

---

[27] Bài sử dụng trong Hát Sắc bùa nhân dịp Tết nguyên đán, chúc gia đình nuôi tằm.

[28] **Bồng Lai** = Tên một hòn núi có tiên ở. Chỉ cảnh tiên. Theo sách *Sơn hài kinh* thì Bồng lai, Phương trượng, Doanh châu là ba hòn núi thần nằm trong bể Bột Hải, cách bờ không xa nên đã có người đến được. Các tiên nhân luyện thuốc trường sinh đều ở cả ba núi nầy. Ở đây lông cầm thú toàn một màu trắng, nhà cửa toàn bằng ngà ngọc, từ xa nhìn đến trông như mây. Trong ***Lục Vân Tiên***: *Người hay lại gặp kiểng hay, Khác nào tiên tử chơi rày Bồng lai.*

[29] *Lá buồm tang:* tức lá dâu.

HỘI ĐUA THUYỀN Ở QUẢNG NAM [30]

Tôi đã năm lần được xem đua thuyền trên sông Thu Bồn. Không kể những lần đua thuyền "tay ngang", năm lần đua tôi vừa nói là đua "thuyền tiếng". "Thuyền tiếng" là thuyền đua đã nổi tiếng từ lâu về thành tích đua của mình, thường đặt dưới sự "Bảo trợ" của một vị thần mà đền, miếu nằm trên bờ sông. Trước cách mạng Tháng Tám, các thuyền nổi tiếng nhất là các thuyền "của" ông Bình Yên, bà Phường Rạch, bà Thu Bồn, ông Rinh Trận, bà Phường Chào ở nguồn Ô Gia, ông Cao Cát (Hòa Vang?). Thuyền tiếng, chỉ đua với thuyền tiếng không đua với thuyền tay ngang.

Thuyền tay ngang không có công cụ riêng, đội ngũ riêng - vạn ghe nào khởi động cũng có thể nhất thời lập ra một đội đua dựa trên một hạt nhân sẵn có, rồi đua với những đội tương tự ở Vạn Gần.

Các thuyền tiếng ngược lại có thuyền đua riêng, đóng có nghiên cứu kỹ thuật để được vừa chắc, vừa nhẹ, vừa đằm, vừa có trớn nhằm lướt sóng nhanh. Thuyền đua mỗi năm chỉ bỏ xuống nước năm ba lần để tập dượt hoặc để đua, còn phần lớn thời gian thì để trong miếu hoặc một chái miếu. Mọi thứ trên thuyền đều chuyên môn hoá, Giảm một cỡ, mũi thuyền cao hơn be để khi bơi hăng quá thuyền không chúi mũi xuống nước, nhưng không cao quá để trở thành vật cản gió. Có khi mũi thuyền được đẽo và vẽ theo hình đầu chim phượng - thuyền đua dài từ 10m đến 13, 14 m, rộng khoảng 1,3 đến 1,5 m, phía ngòai sơn, vẽ màu theo các mô típ sóng và cá chép, rồng và mây trông khá đẹp mắt. Số tay bơi chèo phải chẵn, thường từ 22 đến 30 người, trong số đó hai người rất quan trọng chịu trách nhiệm về đường đi và phương hướng của thuyền là người cao mũi và người chèo lái, cũng là người chỉ huy và người thầy kỹ thuật của toàn đội. Số tay bơi còn lại chuyên về tốc độ. Họ thường mặc áo màu, bịp khăn gọn một vòng, màu đỏ hoặc tím, xanh, hỏa vàng... (màu vàng giành cho vua), hai múi ló ra phất phơ nhè nhẹ, trông khá ngoạn mục. Người lái có thắt lưng to màu đỏ, buông dài xống đến gối. Anh ta lái đứng và sử dụng một cây chèo dài để lái thuyền chứ không dùng bánh lái.

Các tay bơi khi đua không hát, chỉ chăm bẳm mà bơi, thỉnh thoảng hô "xạ hố xạ, xạ hố ạ... dốc bánh xa... là hố... ố... xạ", cũng có khi hô "la xì la... la lý la..." (chúng tôi chưa hỏi ra ý nghĩa của những tiếng hò, hô này). Khi sắp vượt một thuyền

[30] Theo giáo sư Huỳnh Lý, Đất Quảng số 50/1988

đối thủ hoặc thấy một thuyền đối thủ sắp vượt mình, các thủy thủ đồng thanh hét lên rất đều, rất dài và mạnh, có ý để uy hiếp tinh thần đối phương và tự cổ vũ.

Trên vòng đua có ba hoa tiêu thường làm bằng ba cây tre có chừa ngọn nhỏ cắm giữa sông, trên ngọn có buộc một lá cờ đỏ nhỏ. Hai hoa tiêu ở hai đầu cách nhau từ 150 m đến 200 m, nếu đua mười vòng thì phải bơi kiệt lực từ 3 km đến 4 km, trong đó có một nửa bơi ngược nước, các bạn cứ nghĩ xem các tay bơi phải khỏe và phải tập luyện dẻo dai đến mức nào. Trước khi xuất phát, các thuyền dự cuộc xếp hàng trong bờ, mũi quay thẳng góc với đường đua, tùy thể lệ đua, khi thì thủy thủ ngồi sẵn, khi có trống lệnh người lái (cũng là trưởng đội) mới từ trên bờ lội xuống nước và lên thuyền; khi thì người lái và người mũi ở sẵn trên thuyền, khi có hiệu lệnh trống hoặc chiêng tay bơi mới từ trên bờ vác giầm đứng ngược từ bờ xuống nước và lên thuyền. Lối thứ hai này đẹp mắt hơn, nhưng dễ gây lộn xộn. Dù lối xuất phát nào, đội đua cũng đều phải tập dượt chu đáo từng khâu, lơ là một khâu nào là ảnh hưởng đến kết quả. Khi thuyền đâm ra, có những hồi trống thúc đặc biệt, cũng như đến vòng cuối, trong bờ có cờ lệnh phất, trống giục.

Dưới ánh nắng tháng giêng vàng dịu, dòng sông trong sáng, có bốn, năm chiếc thuyền bài trí như thế, xuất phát như thế, trong tiếng pháo, tiếng trống chiêng vang lừng, nam thanh, nữ tú, ông già, con trẻ đứng trên bờ cao, hoặc trên thuyền cười nói chỉ trỏ, cảnh đua thuyền mới náo nức và hấp dẫn dường nào.

Coi đua, thú vị nhất là lúc xuất phát, lúc họ kèm nhau, vượt nhau, lúc "vặn rốn"và lúc về đạt giải. "Vặn rốn" nghĩa là bơi vòng cây hoa tiêu rốn 90 độ rồi mới chỉ mũi vào bờ. Thường đã vặn rốn để vào bờ rồi thì họ không tranh với nhau nữa, dù chiếc sau đi cập kè với chiếc trước, hai mũi thuyền chỉ các nhau mấy tấc. Tuy nhiên, họ vẫn vọt nhanh xuống nước, lắm khi nước còn tới rốn, quay ngược giầm lên xông vào bờ nhận giải giữa tiếng hò reo, tiếng trống và tiếng pháo. Khi nhận giải xong họ ngồi bệt xuống bãi cát mà thở và lau mồ hôi, lắm anh nằm mép dưới nước cho mát.

Lúc thuyền tập kết đến địa điểm đua và lúc chiến thắng trở về là những quan cảnh ngoạn mục - thuyền bơi thư thả, vừa bơi vừa hò hát, điệu hát nhịp ngắn, hoàn toàn khác với các điệu hò hát ở các đò dọc trên sông Hương hoặc sông Thu Bồn, mà có phần giống điệu hò chèo thuyền trên sông Mã (Thanh Hóa). Người xem gọi điệu hò đó là hò "Bá trạo", có người nói "Bả trạo", hai từ đều có nghĩa (Bá trạo = năm mái chèo: Bã trạo = cầm chèo lên), tôi chưa được thấy viết trong sách bằng chữ Hán nên chưa xác định được.

SÁI VÀ PHONG
TRONG LỄ HỘI ĐUA GHE[31]

Trước 1945, huyện Hòa Vang thường tổ chức lễ hội đua ghe hàng năm trên sông Cẩm Lệ. Đây là một tục lệ lâu đời gắn liền với vùng đất vừa có sông, vừa có gò đồi, ruộng đồng, phản ánh sinh hoạt nghề nông, vừa là nghề sông nước[32].

Hội đua ghe trên sông Cẩm Lệ là một trong những lễ hội có tiếng tạo lên ấn tượng lâu dài trong nhân dân huyện Hòa Vang. Huyện lỵ Hòa Vang một thời đóng tại Hóa Khuê Trung tây vì thế mà hội đua ghe tổ chức trên sông Cẩm Lệ có khả năng ảnh hưởng đi xa.

Hằng năm, cứ vào 25 tháng giêng âm lịch, dân huyện mà gần và trực tiếp là làng Cẩm Lệ bước vào lễ hội đua ghe. Thường cứ ba năm mới tổ chức đua lớn một lần (tam niên nhứt lệ), hai năm chen kẽ có tổ chức song đua vừa và nhỏ. Đoạn sông chọn làm nơi thi tài chèo lái nằm sát làng Cẩm Bắc. Nơi đây, nếu đứng trên cầu Cẩm Lệ nhìn về phía tây, con sông hiện ra bên lở bên bồi ngoằn nghèo trước mắt, cảnh làm ăn trên bên dưới thuyền diễn ra sinh động (cát, sạn, hến...) dập dồn. Một bãi bồi hình móng ngựa ăn ra đến giữa sông, đấy là bãi La Hường, bên trái là cồn cỏ. Trừ những ngày ngập lụt, những ngày khác trong năm, bãi luôn được phủ xanh bởi rau màu; lúa, khoai lang, sắn, đậu, mè, dưa, ớt, su bông, cà, mướp, cải, bí đao, bí rợ... có cả mía mưng và thuốc lá nữa. Nhìn xuống phiá đông, một cồn cát án ngữ trước mắt gọi là Cồn Lôi, Cồn Lôi giáp với Cồn Dầu (Hòa Xuân). Trên cồn, xa xa thấp thóang trong hơi nước là "Lăng ông Ngư"[33]. Ven theo chân Cồn Lôi là nơi quy tụ dân chài có nhiều ghe, rớ, ngao định cư và sống bằng nghề sông biển. Vì thế, ngày xưa nơi đây gọi là Vạn Sơn Thủy hay còn gọi là Vạn Rớ Lỗ Sài. Vạn Sơn thủy bao gồm các làng rớ : Hóa Sơn, Tuyên Sơn, Lỗ Sài, Cẩm Bình, Thủy Lục[34]. Họ sống nhiều nghề, đa số tồn tại với tấm lưới, tấm đăng[35], cái câu (đủ loại) rớ, ngao. Nhân dân ở đây có cuộc sống gần thiên nhiên như vậy làm xuất hiện những tay đua nổi

---

[31] Võ Văn Hòe, T/c Thông tin Giáo dục đào tạo thành phố Đà Nẵng - Xuân Kỷ Mão 1999.

[32] Các sách "*Thủy kinh chú*", "*Giao Châu di vật chí*" viết rằng "Người Việt thạo thủy chiến, giỏi dùng thuyền", xong chưa có sách nào ghi tục đua thuyền ngày Tết của nhân dân Việt Nam có từ bao giờ. Tác phẩm đề cập đến việc đua thuyền ở Việt Nam sớm nhất là cuốn "Đại Việt sử ký toàn thư", sách này chép: ngày 15.7. năm ất Dậu (985), nhân sinh nhật của vua Lê Đại Hành, nhà vua sai người làm thuyền, bên trên là núi Giả Sơn rồi tổ chức lễ đua thuyền trên sông Hoàng Long, thuộc huyện Gia Viễn, Ninh Bình. Kể từ đó, đua thuyền trở thành lệ hàng năm.

[33] Nơi thờ cá Ông (cá voi).

[34] Sau cách mạng Tháng 8.1975 ngư dân Vạn Sơn Thủy lên bờ quần cư một phần tại Cẩm Bắc (Hòa Thọ), một phần lớn lập làng Cẩm Chánh (Hòa Xuân).

[35] Đăng: giống như tấm sáo dài đan bằng tre, cắm xuống sông vây bắt cá. Trước khi mở đường Cách mạng Tháng Tám , đăng còn sử dụng vùng cầu Vũng Đa. Ngao: sử dụng hai ghe làm thành một giàn gọi là giàn ngao, có móc lưới.

tiếng một thời. Đấy cũng là điều kiện để huyện Hòa Vang chọn Cẩm Lệ đăng cai tổ chức hội đua. Những chiếc ghe đua dài, nhẹ lướt nhanh trên nước cũng thường ra đi từ bàn tay lao động của người dân thuộc vạn sơn thủy này.

Để chuẩn bị cho hội đua ghe, làng Cẩm Lệ giao một mẩu ruộng gọi là ruộng tự điền cho một người nào đó trong làng cày cấy, có khi đấu giá hoặc bắt thăm để nhận ruộng. Lợi tức của mẫu ruộng tự điền được dùng vào việc hội đua trong đó có cả phát thưởng. Nói tóm lại, người nhận ruộng công quân cấp phải lo chu đáo về mặt vật chất trong lễ hội đua.

Lệ đua có năm đua nhỏ hoặc đua vừa gọi là năm Sái. Sái chỉ có lễ nhẹ vào 25 tháng một âm lịch, có đua nhưng không quy mô, không phát thưởng trọng thể. Hai năm sái cũng là hai năm vòng một để tuyển trọn và luyện tay nghề phát triển đội mạnh, phát hiện những tay đua trẻ có tài, kịp bồi dưỡng theo dõi, nâng đỡ để vào đua chính thức chọn đội hoặc tay đua xuất sắc nhất lập đội tuyển của huyện.

Đua sái đi liền hai năm liên tục, sau đó dồn lực lượng cho năm phong. Năm phong tổ chức đua quy mô, có phát thưởng trọng thể, huyện chủ trì hội lễ. Năm Phong, đội đua nhiều tay đua mới lạ, nhiều xã hiệu trong huyện cử đội đến tham gia. Năm Phong quy tụ chừng 15 đội.

Trước khi đua, lễ tổ chức theo nghi thức cổ truyền tại miếu Bà có đọc bài văn tế. Nghi thức hành lễ giống như nghi lễ tại đình làng trong tế xuân và tế thu hàng năm của làng. Lễ bắt đầu từ tờ mờ sáng 25 tháng giêng. Sau lễ là hội đua, có năm quy tụ: Cẩm Chánh, Cẩm Bắc, Cẩm Nam, Lỗ Giáng, Lỗ Sài, Hóa Sơn, Thủy Lục, Cẩm Bình, Bình Thái, Phong Lệ, Hòa Phong, Hòa Hiệp cử đội đua về tham dự. Dân từ các nơi đổ về xem tạo nên ngày hội. Các tay đua là những dân chài, dân rớ lực lưỡng, đầu chít khăn đỏ hoặc xanh, lưng trần, quần cụt một màu, mỗi ghe có 24 tay đua. Lòng ghe hẹp, đầu chạm rồng hai bên thành ghe viền một đường diềm trông đẹp mắt và mạnh khỏe, bình thường đường đua dài 1 km vòng đơn có cắm ba cây tiêu làm chuẩn, trên đầu cột một miếng vải rìa cho dễ nhận biết. Lệnh xuất phát bằng trống, chiêng nổi lên ba hồi liên tục do bộ phận tư lễ phụ trách, hồi trống thứ ba lại ba dùi, dùi đơn thứ ba là lệnh xuất phát. Hò chèo thuyền hát vang trên mỗi ghe đua. Trong đua ghe, khó nhất là người bẻ mũi quay đầu. Do thế, tay đua đằng mũi và tay đau đằng lái là hai đằng tài nghệ, cao tay mới dám cầm chèo cầm lái. Thắng lợi của đội đua, mến chuộng ham thích của người xem tùy thuộc phần lớn vào hai tay đua ở hai đầu, đặc biệt là tay đằng lái.

Đội thắng cuộc được nhận một cây cờ rìa màu đỏ cắm trên một đoạn thân chuối xem như cờ hiệu đoạt giải vô địch cuộc đua.

Quá trình đua, đội do mất trớn hoặc tay lái không vững tạo nên "vặn hớt hoa tiêu" như thế là bị loại.

Việc trao giải cho đội nhất nhì tổ chức trọng thể, có khi có tổng, huyện, xã đến dự và trao giải. Đội được giải phấn khởi vì đấy là niềm cổ vũ động viên, đồng thời tin tưởng rằng ba năm sau đó làm ăn sẽ tốt hơn.

Hội đua ghe mừng xuân là lễ hội lớn của Hòa Vang, làng Cẩm Lệ (đăng cai) trước 1945 là sinh hoạt hội hè có giá trị về mặt văn hóa tinh thần của nhân dân. Hội đua ghe còn là nơi phát huy tính tập thể, học tập kỹ thuật đua chèo, là nơi những tay đua giỏi nổi tiếng truyền "miếng" lại cho những tay trẻ mới vào nghề.

Hội đua ở Hòa Vang - Cẩm Lệ - còn là tinh thần coi trọng nghề nghiệp trên sông nước, đồng thời cũng là dịp nhân dân chăm sóc bờ sông, sửa đắp những đoạn lở bồi. Đua ghe còn phát huy tính độc lập tự chủ trong lễ hội, rèn luyện thủy quân. Đó là lệ có giá trị truyền thống.

Hội đua còn là dịp nhân dân biết ơn và ghi nhớ công lao của những người có công với làng, nước. Chính vì thế hội đua ghe ở Hòa Vang ngày trước là cách nối tiếp truyền thống xưa trong vui chơi hội hè của nhân dân vào dịp mừng xuân .

Nay hội đua ghe ở Hòa Vang không còn tổ chức hàng năm nữa, thay vào đó là hội đua ghe trên sông Hàn được tổ chức ngày 2.9 hàng năm mừng Quốc Khánh .

HÁT BỘI

Hát bội ở Quảng Nam có từ bao giờ ? Điều đó chưa ai trả lời được. Thế nhưng căn cứ vào nhiều tài liệu thì Tam Kỳ là nơi có gánh hát đầu tiên của tỉnh Quảng Nam. Đó là gánh hát Khánh Thọ với các tên tuổi: Quản Lan, Ông Thị, Ông Thuyền, Cai Nghị, Cửu Vị, ông Nguyễn Hiển Dĩnh lúc làm tri huyện Hà Đông (Tam Kỳ) cũng đã nghiên cứu về thể loại hát bội cho nên về sau đã ảnh hưởng tích cực đến sự nghiệp sân khấu của ông. Các nghệ sĩ nhân dân như Nguyễn Nho Túy, Nguyễn Phẩm đều có thời kỳ trao dồi hát bội ở Tam Kỳ. Sinh thời, đường quyền ngọn cước, kỹ thuật sử dụng đao, thương của nghệ sĩ nhân dân Nguyễn Nho Túy tài hoa trên sân khấu có sức lay động khán giả, cũng chính từ ảnh hưởng của những năm tháng luyện tập ở lò võ Chánh Lơn (Tam Kỳ). Ông Nguyễn Phẩm con trai của ông Cửu Vị cũng là người Tam Kỳ. Nghệ sĩ nhân dân Ngô Thị Liễu người mà trong ký ức

của người già ở Tam Kỳ còn in đậm hình ảnh cô đào Liễu đẹp người hát hay cũng từng có thời gian dài gắn bó với rạp Bà Võ, rạp Chú Bổn (Tiên Phước, hồi đó thuộc Tam Kỳ).

Nguyên nhân nào làm cho hát bội Tam Kỳ từ Khánh Thọ lan tỏa và ảnh hưởng đến sự phát triển của sân khấu hát bội trên cả tỉnh Quảng Nam ? Có lẽ đất và người là yếu tố quyết định. Biểu diễn hát bội xem - nghe hát bội như là một nhu cầu không thể thiếu của nhân dân Quảng Nam qua nhiều thế kỷ. Chính những con người nối tiếp truyền thống của cha ông tiên phong mở đất, vốn trọng trung, hiếu, tiếc , nghĩa đã tìm thấy và gửi lòng mình vào hình thức nghệ thuật mang đậm tính chất dân gian.

Theo các cụ già kể lại thì từ đầu thế kỷ XX trở về trước ngoài các gánh hát có tổ chức thì hầu hết các làng quê ở Quảng Nam đều có người am hiểu hát bội. Họ thường tụ tập nói tuồng vào những đêm có trăng. Thậm chí chỉ cần vài người biết một ít trích đoạn, một số câu hát thế là người hát, kẻ đàn, kẻ thanh la, người trống tạo nên một buổi hát. Hình thức sinh hoạt dân gian này càng tạo thêm cho hát bội cơ hội và ưu thế đi vào quần chúng. Đó là lý do khiến hát bội vang bóng một thời ở Quảng Nam nhất là vào dịp Tết.

Nay cũng vùng Quảng Nam này cùng những con người kế thừa phẩm chất của cha ông xưa trong điều kiện kinh tế xã hội có nhiều khởi sắc, thế mà hát bội gần như vắng bóng. Lớp người già canh cánh một nỗi niềm tiếc nuối cái thời dù không tuồng rạp cũng vui sáng đêm bên các chiếu tuồng. Những nghệ sĩ có nghề như bà Thông, Thu Trang, Vĩnh Phô vẫn còn thiết tha với nghiệp sân khấu.

Làm thế nào để hát bội trở lại với đời sống tinh thần của người dân Quảng Nam. Đó là câu hỏi chưa có lời giải đáp thỏa đáng nhưng nguyên nhân của việc hát bội có nguy cơ bị mai một thì quá rõ. Khán giả trẻ nay không mặn mà với hát bội. Nghệ sĩ Hồ Hữu Có ở Đà Nẵng đã từng giới thiệu về bàn thờ tổ hát bội ở nhà riêng của ông. Trong liệt vị tổ có hai ông làng, hai vị này gắn liền với một giai thoại kể rằng: Ngày xưa có hai vị hoàng tử nhỏ tuổi vì quá say mê hát bội đến nỗi trốn người nhà leo lên một mái rạp để xem. Rủi thay rạp bị cháy hai ông không thóat khỏi lửa, thế là thóat xác và được phong thành thần, thành tổ hát bội. Hai ông làng thực chất là khán giả, người xưa muốn nhắc rằng khán giả là thành phần đáng tôn thờ của sân khấu hát bội. Thiếu khán giả, sân khấu hát bội sẽ không tồn tại.

Một điều nữa là thiếu những người sáng tác tuồng cho hát bội, điều này là vấn đề nan giải của Quảng Nam - Đà Nẵng. Như thế việc tìm kiếm chọn lọc bồi dưỡng và đào tạo những người viết kịch bản hát bội là việc làm cấp bách hiện nay.[36]

Ngày Tết xứ Quảng thường tổ chức hát bội, mặt khác yêu cầu để có hát bội thường nhằm vào các chủ điểm: làm đình, chùa xong không xảy ra sự cố gì thì hát mừng, hoặc khẩn cầu việc gì đấy cho làng về sau có kết quả thường hát để "tạ" cũng là hình thức "trả lễ". Cũng có khi đến lệ thì hát 3 năm tổ chức một lần cứ vậy mà tiến hành.

Ngày xưa buổi hát không đơn giản và phổ biến như bây giờ, theo lệ làng quy định trước khi hát phải họp hương lý cùng với nhân dân trong làng nếu đồng ý hát mới có thể thuê gánh hát về làng. Kế đến là phân chia chịu trách nhiệm về từng mặt cả việc quỹ chi phí cho hát bội. Bầu bồi bái tức ông cầm chầu, người cầm chầu phải có đạo đức tốt, con nhà tộc lớn trong làng mới có đủ điều kiện và uy tín để bầu làm người cầm chầu. Sau khi bầu xong chọn ngày giờ rước gánh hát về đồng thời chọn tuồng để hát. Việc chọn tuồng là hết sức quan trọng vì nếu không phù hợp với nguyện vọng của làng thường bị dân làng phản ứng. Do vậy, chọn tuồng để hát là một trong những khâu quan trọng bậc nhất. Mỗi kỳ hát như vậy làng có mời các làng bộ lân cận đến dự, hàng tổng, hàng huyện cũng đến dự rất đông.

Đúng ngày giờ đã chọn, gánh hát tựu rạp. Rạp làm trước sân đình chủ yếu của thời kỳ này là làm bằng tre gốc. Rạp làm xong treo phông màn, trướng, công việc này gọi là "trướng thành". Cùng với trướng thành là đặt bàn tổ. Bàn tổ được phủ khăn điều để một bên rạp hát.

Mọi việc xong đâu đấy là cúng tổ sư và cúng âm hồn. Trước bàn cúng là sân khấu có đặt một cái trống mới (có thể cũ đem sơn lại) phủ khăn đỏ trên mặt trống. Trống được đặt trên một cái giá ba chân còn dùi đánh trống lại trịnh trọng hơn được đặt trên bàn án của đình.

Bắt đầu cử lễ "xây chầu" hương lý và mọi người dự lễ hội mặc quần dài trắng, áo dài đen, đầu bịt khăn nhiễu đượng đứng thành hai hàng quay mặt vào bàn án thực. Theo lời xướng, chiêng, trống đánh ba hồi liên tục rồi cứ ba tiếng một mà đánh. Đội nhạc cổ bát âm hóa lên bài *Tam luân cửu chuyển.* Ông bồi bái (Chủ sự) mặc áo rộng, đầu đội mão, chân đi hia tiến vào đình đến bàn án trịnh trọng hai tay nâng dùi trống nằm ngang trong lòng bàn tay, đi ra sân khấu đến trước bàn án ngòai

[36] Quảng Phú , Quảng Nam Xuân Nhâm Ngọ 2002.

bái ba bái rồi theo hướng đã quy định có đặt trống chầu cách 3m. Đang lúc tiến hành như vậy, xướng truyền đội hát sẵn sàng mọi thủ tục để hát.

Bồi bái cầm dùi trống khóan xuống đất nơi ông sẽ đứng đánh trống rồi bước vào ngay chỗ khóan đó đứng. Tiếp đến là khóan trên mặt trống bài khóan *Tứ tung ngũ hoành*[37] xong nhịp dùi trên mặt trống rất khẽ bảy tiếng[38] rồi đưa thẳng tay miệng đọc phú đánh một dùi thật nặng vào mặt trống đang còn phủ kín khăn điều, đồng thời cũng tay đánh trống nhanh nhẹn quơ khăn điều quấn dùi trống, vừa đánh vừa quấn, miệng lâm râm đọc bài phú, mỗi tiếng phú đi kèm một tiếng trống[39]. Hồi trống dài hay ngắn là do bài phú xây chầu quy định.

Ba hồi trống vừa dứt, tháo khăn điều quấn tượng tổ ngành hát bội cùng lúc quay mặt tượng nhìn thẳng vào bàn án đình. Kế đến học trò gia lễ xướng *Phụng tiến ca viên.* Nghe tiếng xướng tất cả đào, kép của gánh hát sau sân khấu *dạ* một tiếng thật lớn rập ràng trong âm thanh của trống, chiêng, phèng la. Đội bát âm hòa điệu nhạc *khai trường*. Chủ bái đánh ba tiếng trống rồi sáu tiếng tiếp, đấy là hiệu trống *Lôi tam lôi lục* báo cho đào, kép hóa trang.

Trống dừng ở đây (chủ bái vẫn đứng nguyên trước cổng chào). Lúc bấy giờ đội nhạc bát âm chuyển sang điệu nhạc *nghinh* .

Điệu nhạc nghinh, một mặt *nghinh* những thần linh đang thờ tại đình, mặt khác được hiểu *nghinh* những người đại diện tổng, huyện, xã, thôn đến dự lễ hát.

Tiếng trống *Lôi tam lôi cửu* giục lên là dấu hiệu có ý nghĩa báo hỏi đào kép sau sân khấu đã chuẩn bị xong chưa. Nếu đào kép đã chuẩn bị xong thì trả lời lại bằng hiệu trống *Lôi tam lôi lục,* nếu chuẩn bị chưa xong thì chưa đánh trống trả lời.

Bấy giờ nhạc bát âm và trống chiêng đổi thành âm điệu hát ca (theo tuồng). Để chuẩn bị hát, có hai kép hát đã hóa trang tươm tất bước ra làm lễ bên bàn án: Lạy ông tổ của ngành bốn lạy, lạy xong bồi bái đánh trống *khen thưởng* bằng ba tiếng trống đồng thời có thưởng một ít tiền

---

[37] Bài khóan trên mặt trống như sau:

Tiên họa tứ tung
Hậu họa ngũ hoành

Sau đó là vẽ khóan, vòng ba vòng rồi "Phượt".

[38] Tức bảy sao trong chùm sao Bến lái.

[39] Bài phú: Tứ tung ngũ hành. Ngô đương xuất hành. Võ vương vệ đạo, Đương ngô giả tử, Đối ngô giả vong, Cấp cấp như luật lệnh.

Thưởng xong, lúc này bồi bái mới được ngồi trên ghế đã chừa sẵn cạnh nơi đặt trống chầu.

Tiếp đến là cử hát lễ mở màn cho buổi hát, một kép đại diện cho cả gánh hát bước ra sân khấu và hát:

Cá phơi vi giỡn nguyệt, chim xòe cánh hưởng sương
Mừng nay quốc phú dân cường, phỉ bấy phong điều võ thuận

Hát mừng xong, màn được kéo lại, sau đó màn mở ra là đã vào cảnh thứ nhất của tuồng. Tuồng được đem ra trình diễn đã có sự thống nhất với dân làng.

Có khi làng yêu cầu hát một tuồng cụ thể.

Thường thường trong một buổi hát bội, trước sân khấu có hai trống chầu, bên phải của sân khấu là *chầu cái*, bên trái là *chầu lèo*. Chầu cái chỉ có chủ bái và các già làng của địa phương có tổ chức hát mới được đánh. Còn chầu lèo giành cho tứ lân, quan khách hoặc người từ xã khác mộ điệu đến thì có thể đánh trống chầu lèo, muốn đánh được chầu lèo phải có thẻ, trong thẻ có ghi giá tiền.

Khi đào kép hát hay, người bốn phương mộ điệu đến xem hát muốn vào đánh trống phải liên hệ mua thẻ, mua bao nhiêu thẻ cũng được. Đoạn dùng thẻ đó thế tiền ném lên sân khấu để được đánh trống. Hết thẻ gác ngang dùi trên trống, nhường cho người khác. Đào, kép nào nhận được thẻ đến ban tổ chức giao thẻ nhận tiền, coi như đây là tiền thưởng của người đánh chầu lèo cho đào kép hát hay. Đào kép được thưởng trọn quyền sử dụng .

Trước khi kết thúc lễ hát bội phải có đoạn gọi là *Định đô* tức là phải giết cho được nịnh thần và tôn tân vương. Câu hát định đô như sau:

Biên thùy đà dẹp yên quân giặc, không còn dấy động can qua
Truyền bá quan an vị, truyền nội thị đãi yến bá quan
Nay nước nhà đà thạnh trị, lấy đức rải bốn phương, ra ân nhuần trăm họ

Tất cả đào, kép trên sân khấu đồng xướng

Vạn Tuế.... vạn .. vạn... tuế ...!

Màn kéo lại, chầu bãi một hồi trống thật dài.[40]

CÂU ĐỐI TẾT

Câu đối Tết còn gọi là xuân liên, là những câu đối người ta chỉ làm ra và sử dụng trong những ngày Tết cổ truyền. Vì vậy, ngày Tết câu đối cũng mang ý nghĩa như ngày hội Tết, phản ánh những ước mơ, những thành công, dự kiến về một tương lai sáng lạn. Mỗi năm, cùng với những tập tục khác mừng xuân, người dân xứ Quảng bao giờ cũng đến chợ Tết mua một câu đối về dán lên cột nhà hoặc ngoài ngõ để tỏ rõ tinh thần của mình vào dịp năm mới.

Ngày Tết không ai xin đối bao giờ, nếu có xin cũng không ai có để mà xin. Bởi năm mới thiêng liêng lắm, một câu đối không chắc đã nói đầy đủ vẻ đẹp của xuân, ước mơ của Tết mà nhất là không làm sao vừa lòng người đi xin câu đối. Vì thế đến chợ mà mua, hay, dở cũng là của mua ít ai bàn luận, khác với xin là phải lấy, cho phải nhận, hai hình thức khác nhau. Có điều xét về mặt tinh thần, tục sử dụng câu đối Tết có cái hay riêng của nó vì ngòai giá trị văn chương, câu đối hàm súc tương tự như những câu phương ngôn, ngạn ngữ, châm ngôn nhắc nhở mọi người luôn giữ mình hướng tới cái ích, chân, thiện, mỹ.

Vì vậy, ngày xưa người dân xứ Quảng cũng thường trưng bày câu đối Tết trong nhà là vậy. Có thể là:

-Trẻ lại với xuân, nước Tổ bốn ngàn năm lịch sử ;
Đứng lên làm chủ quyền, người hai chục triệu dân sinh
(Huỳnh Thúc Kháng)

-Hũ mắm cắm cành đào, chào Tết;
Chén trà pha rượu cúc, mừng Xuân.
(Hoàng Châu Ký)

-Xuân đến nông thôn kiên cường, trai gái lên đường đọat đồn, lấy bót;
Tết về thành thị phẫn nộ, trẻ già ra phố diệt Mỹ, trừ gian.

Xực trận đầu xuân, hang ổ vỡ tung, thay chiến lược co vòi phòng thủ, thủ không xong - Sài Gòn, Đà Nẵng ... cảnh sát, bộ binh xác phơi chật đất;

[40] Theo lời kể của cố nghệ nhân Tư Châu, thôn Nghi An, xã Hoà Phát, huyện Hoà Vang, Quảng Nam-Đà Nẵng.

Xơi đòn giữa Tết, bốt đồn tơi tả, đổi chỉ huy ráng sức phản công, công chẳng được - Quảng Trị, Tây Ninh... lính dù, không vận thây chất đầy đường.
(Xuân Mậu Thân 1968 - Đặng Minh Phương)

-Mừng Tết đến, ra sức thâm canh cho đồng lúa vàng tươi trời Đại Phước;
Đón xuân sang, gắng công chăm sóc để vườn đào xanh ngát cát Bình Dương !
(Bính Dần 1986)

-Tết đến khắp nơi, mỗi nét vẽ, mỗi câu thơ, thắm thiết lòng dân ý Đảng;
Xuân về mọi nẻo, bao lời ca, bao khúc nhạc, chứa chan nghĩa nước tình nhà
(Văn Sinh - Bính Dần 1986)

-Quý xiết bao nghề hồ giấy - đinh - dây, mở triển lãm trực quan, biểu dương thành tựu các ngành nguồn phấn khởi toàn dân đòan kết;
Yêu biết mấy việc cờ - đèn - kèn - trống, lo tuyên truyền cổ động, phổ biến tình hình mọi mặt, niềm lạc quan cả nước vào xuân
(Vũ Mạnh Tân - 1986)

-Cả nước thay nếp nghĩ suy, lấy lại thanh tân xuân từng khối óc;
Toàn dân đổi phương hành động, dồn thêm rạo rực Tết mỗi con tim
(Trường Thọ - Đinh Mão 1987)

-Đại hội thành công, cả nước thi đua, tưng bừng thành tích, sáng trời xuân;
Trung ương lãnh đạo, toàn dân tin tưởng, rực rỡ công lao, tươi cảnh Tết
(Đặng Minh Phương - 1987)

-Kinh tế chuyển tư duy, xóa bỏ bao cấp quan liêu, hạch toán kinh doanh theo lối mới;
Văn hóa nâng trình độ, chống tàn dư lạc hậu, kế thức phát triển khác lề xưa
(Sĩ Đô - 1987)

-Quyết chí bài trừ nạn bao cấp, phe phẩy đầu cơ mất đường lũng đoạn;
Đồng tâm tiêu diệt tệ quan liêu, tham ô móc ngoặc hết lối hoành hành
(Quang Minh - 1987)

-Toàn Đảng, toàn dân, nhất trí lo cải tiến năng - chất- hiệu [41]vui cảnh Tết;

[41] năng suất, chất lượng, hiệu quả

Mọi ngành, mọi cấp đồng tâm liệu bình ổn giá - lương - tiền đón hương xuân
(Quang Minh 1987)

-Đinh Mão vừa qua, quét vụ lợi tham ô, đổi mới tư duy kinh tế;
Mậu Thìn lại tới, chống quan liêu bao cấp, mở đường tự chủ kinh doanh
(Lê Văn Phong - Mậu Thìn 1988)

-Lúa, đậu, ngô, khoai... trồng trọt khắp ruộng, khắp nương, lương thực dồi dào, Mặt trận hàng đầu cho xứng mặt;
Vải, đường, giấy, bút... làm ra đầy nhà đầy xưởng, mặt hàng phong phú, vai trò quan trọng đáng nên vai
(Đặng Minh Phương - 1988)

-Múa rồng vui rước năm Rồng, con cháu Rồng tiên mừng xuân mới;
(chưa có vế hai)

-Thành phố cảng giữa miền Trung đất Trung Dũng, người Trung Kiên tấm lòng trung hậu
(Chưa có vế hai)

-Đồi trồng dứa, cát trồng dừa, bãi trồng dưa, chẳng kể sớm trưa, hết nắng lại mưa, dứa, dưa, dừa, dứa lên tàu xuất khẩu
(Chưa có vế hai)

Báo QNĐN/CN1988. Chú ý cả ba vế trên xin được đối lại cho sát theo lối chơi chữ có nghĩa đứng đắn.

-Phụng dưỡng mẹ anh hùng, cây "đền ơn" nở hoa đón Tết;
Chăm nom con liệt sĩ, vườn "đáp nghĩa" kết trái mừng xuân !

-Đèo Hải Vân ngoằn ngoèo quẹo dốc, đá ẩn chân mây, sóng bạc xa xa, thuyền mấy lá;
Núi Ngũ Hành ngóc ngách động hang, chùa nương sườn núi, gió chiều man mác trúc dăm cây !
(Xuân Mậu Dần 1998 - Lương Mậu Kỳ)

-Năm mươi năm theo Đảng, nhìn lại cuộc đời từng gươm thiêng, bút sắt, biển rộng non dài, bao vất vả, chiêu văn mộ vũ;
Bảy chục tuổi mừng xuân, nâng ly rượu thọ giữa bạn quý, vợ hiền, con ngoan, cháu giỏi, đã thảnh thơi danh đạt công thành.

(Vũ Khiêu tặng cho Vũ Công Thành)

-Thầy dạy hay, trường đẹp, xuân tô sắc thắm;
Trò học tốt, thầy vui, Tết tỏa hương thơm.

Vui Tết, thầy say sưa, ra sức điểm tô trang giáo án;
Mùa xuân , trò hồ hởi, gắng công hoàn hảo tập làm văn
(Lương Mậu Kỳ)

-Phố xá vào xuân, xôn xao trên bến dưới thuyền, chốn chốn đường thông, hè thóang;
Xóm làng đón Tết, náo nức trong vườn ngòai ngõ, nhà nhà nước sạch cây xanh.
(Trần Thị Hòa - Nhâm Ngọ 2002)

-Điệu con chữ tới vùng cao, đuổi u tối đói nghèo ra khỏi bản;
Gùi cái đài lên núi, đưa văn minh no ấm đến từng nhà
(Phạm Thị Thắm - Nhâm Ngọ 2002)

HỘI BẮT CỌP NGÀY XUÂN[42]

Vào những ngày xuân, hội bắt cọp là một hình thức tổ chức vui chơi của đa số mọi người thuộc các xã giáp ranh miền núi tỉnh Tiên Phước (cũ). Đây cũng là hình thức trẩy hội Tết Nguyên đán, thu hút đông đảo mọi người, nhất là tầng lớp thanh niên trai tráng của các làng.

Tục bắt cọp ngày tết bắt đầu từ chiều ba mươi Tết, người ta sửa soạn mọi dụng cụ, phương tiện cho đợt vào hội bắt cọp: giáo mác, thức ăn, thức uống ... rộn rịp nhất là lớp thanh niên lực điền sức trai khỏe mạnh được làng xã cử đi trước ngay trong chiều ba mươi Tết để thăm dò xem có cọp xuất hiện ở vùng nào trong núi. Lùng trên núi đến khi phát hiện ra cọp, số thanh niên khỏe mạnh này chia nhau trông chừng cọp, bám theo dấu vết của cọp, đồng thời cử người tức tốc về báo với làng xã.

[42] Theo giáo sư Hoàng Châu Ký - Đất Quảng 1998.

Được tin có cọp từ núi truyền về, làng xã phấn khởi, thế nào rồi cũng có tài lớn đầu năm. Tin được truyền lan đi nhanh cho mọi người biết. Sau phút đón giao thừa, cử lễ hành khiến xong, tất cả mọi người - trừ người già và trẻ em - đều chuẩn bị sẵn sàng và lập tức lên đường, mang theo dao, dựa, giáo mác, búa liềm... cùng thức ăn ngày Tết chủ yếu là lương khô: bánh tét, bánh in, bánh khô, bánh rò... với rượu nếp, thuốc hút... nữa.

Lên đến chân núi, những người chỉ huy cuộc bắt cọp đầu xuân hướng dẫn mọi người vây quanh chân cụm núi, có khi đấy là đồi, mỗi làng chịu trách nhiệm làm một đoạn của vòng vây. Họ đốn cây cắm quanh cụm núi tạo nên một hàng rào tròn cao 3 - 4 m, trên đầu cây vạt nhọn.

Xong, một tốp thanh niên trai tráng, dũng cảm được mệnh danh là đội xung phong của hội tiến vào trong núi, rẽ đôi cụm núi giáp vòng vây bên kia, nhiệm vụ đầu tiên là số thanh niên này tìm cách phát hiện cọp ở bên nào của cụm núi. Khi phát hiện được cọp, tất cả một nửa vòng vây chân đồi bên không có cọp tháo ra và lắp ráp lại bên chân núi có cọp và bổ sung cho vòng vây làm giữa cụm núi. Người bắt đầu đông lên, người kế người nhặt hơn, vòng vây do đó cũng vững tâm. Làm được việc đó cũng phải mất đứt ngày mùng một, có khi đến khuya mùng một rạng ngày mùng hai mới xong.

Một lần nữa, đội xung phong lại tiếp tục rẽ ngang nửa cụm núi còn lại, phát hiện cọp lẫn về bên nào của cụm núi. Khi đã phát hiện được cọp xong lại có lệnh tháo ráp vòng vây. Cứ thế cho đến khi ép dần vòng vây vào sát cọp hơn, có thể chừa lại từ bốn - năm mẫu rừng là được. Bấy giờ hàng rào vây được tăng cường và củng cố vững chắc. Dây rừng cột chặt, nối liền trụ nọ với trụ kia, hai trụ cắt nhau có khi chỉ hai tất thước.

Vừa nghỉ ngơi, vừa quan sát thăm chừng dấu vết cọp với những thái độ của nó để tìm phương án nhanh nhất bố trí bắt cọp. Bấy giờ đã là ngày mùng hai Tết. Người ta phải phát cây tận gốc, dọn dẹp tạo lên một khoảng đất trống chừng bằng sân nhà, đấy là nơi làm cửa ngõ phục kích và đó cũng là bẫy để cọp lọt vào. ở vào thời điểm ngày mùng hai Tết, là lúc có khả năng an toàn, vòng vây nhỏ, chung quanh được dựng lên bốn chòi cao, có cắm trước chòi cờ đuôi nheo ngũ hành (ngũ sắc), vì thế người từ các làng kéo hết lên núi xem hội bắt cọp đầu năm. Người ta đến núi cũng là cách chơi xuân vui tết. Lên núi vui Tết, chơi xuân với những bộ đồ mới, đồ lễ mang theo thức ăn khô, có người lên đấy giải trí bằng những ván cờ. Lều được dựng lên ngoài vành đai, dưới chân núi để nấu nước thức ăn tươi. Vui Tết, chúc Tết, ngày Tết thực sự đã diễn ra ở đây. Các làng vào giờ này chỉ có người già ở lại trông coi nhà cửa mà thôi. Đêm mùng hai ập xuống khu núi rừng, đầu tháng tối trời, những

ngọn đuốc được thắp lên, từ xa nhìn đến như những đám hoa lung linh cả một vùng rừng.

Từ chòi chỉ huy được dựng cao bốn - năm mét có cắm một lá cờ lớn màu đỏ, viền xanh hô lên lệnh cho làng Giáp[43] đánh hỏa tiễn bắt đầu. Tức thì vòng vây của làng đặt tên là Giáp, kèn trống nổi lên liên hồi, pháo đì đùng như chiến trận, hàng trăm ngọn đuốc được bắn tung vào núi, núi cháy sáng một góc trời đêm.

Cọp sợ, chạy dồn sang phía khác, trên chòi chỉ huy lại phát lệnh cọp đến làng ất, lập tức làng ất với tư thế chờ đợi cũng bắt đầu như làng Giáp. Cọp lại chạy đến vùng không có lửa để né tránh, là lều chỉ huy lại hô làng Bính đánh hỏa tiễn ... cứ thế đến mỗi góc rừng lại vang lên phèng la, chiêng, mõ, trống, pháo nổ đì đùng, tiếng la hét vang trời, lửa cháy cả vùng sáng rực. Cọp hoang mang không tìm ra lối thóat thân, đâu cũng gặp lửa.

Cảnh vây bắt cọp diễn ra ở đoạn sôi nổi, hào hứng ngọan mục nhất của hội, người ta nô nức ở đây còn hơn cả ở làng nữa.

Đội thanh niên trai tráng được tập hợp, củng cố một đoạn vây bằng những cặp to hơn, nơi đã đốn sạch cây trước đấy. Khoảng đất rộng bằng sân nhà ở đấy có đặt giáo mác, búa, rựa... làm bẫy là năm, sáu cái thòng lọng chực hờ cọp bị đuổi hoảng quá mà nhẩy vào và thòng lọng siết chặt.

Ngày mùng ba Tết rồi ! Đến đêm, lệnh từ chòi chỉ huy hô lên đợt phóng hỏa tiễn quyết định, lần này tất cả các làng đều phóng cùng một lúc rập ràng. Bốn bề, đâu cũng có tiếng hô, hét, pháo nổ vang trời, phèng la, chiêng, trống, mõ, thùng, mâm thau... đánh dội lên náo động, lửa sáng rực cả rừng. Cọp hoang mang mấy ngày nay, cố tìm lối thóat, nhưng không thể nào nhận ra khu rừng quen thuộc ngày nào được nữa, vì lửa cháy, cây cối sém lẹm đi nhiều, cảnh quan khác, cọp trông cái gì cũng lạ! Cọp nhìn chăm chú vào một khoảng trống không có lửa, có chút bóng tối lờn vờn đâu đó, cọp hy vọng lập tức lấy hết sức lao ngay đến đây với ý đồ trú ẩn. Ngơ ngác nhìn hàng rào tuy to nhưng thấp, lại tối trời, không có con người, đèn đóm cũng không, cả tiếng động nghe chừng cũng ít. Cọp hậm hực nhảy ngang qua hàng rào để thóat thân. Nhưng có đến năm, sáu chiếc thòng lọng treo hờ, chực sẵn đã khóa cổ cọp lại. Liền sau đó giáo mác của đội thanh niên bố trí sẵn ập vào kết thúc cuộc bắt cọp. Trên chòi chỉ huy theo dõi thật căng, lệnh hô to đã bắt được cọp, vậy là đã có tài năm mới, tiếng mừng vui lại náo lên lần nữa. Người ta mổ thịt cọp

[43] Làng Giáp, làng ất, làng Bính... là cách đặt tên, giống như làng Một, làng Hai, làng Ba...

cúng thần núi, xong chia đều cho các làng. Đèn đuốc thắp lên sáng trưng, một hàng người dài hơn cây số nhấp nhô ngọn lửa về làng. Tục bắt cọp kết thúc.

Ở hội bắt cọp những ngày này người ta tìm thấy có sự bình đẳng giữa mọi người, ai cũng có quyền tham gia hội bắt cọp, không phân biệt thành phần, trật tự, tôn ti xã hội đều không thực hiện trong ngày hội dân gian truyền thống này.

Ở hội bắt cọp tinh thần dân là trọng.

Có một lần vây cọp, vợ chồng viên tri huyện Tiên Phước theo tục vui xuân, cũng dắt nhau lên núi xem bắt cọp. Trong đêm căng thẳng nhất của hội có một người ngang qua trước mặt vị tri huyện vỗ một cái khá mạnh vào bụng anh ta, rồi vừa chạy, vừa hô, vừa la hét, vừa cười, làm mọi người quanh đấy thấy thế cũng phát cười theo. Cả mụ vợ cũng bị chọc ghẹo không nể nang gì nữa. Vợ chồng tri huyện lằng lặng dắt nhau đi nơi khác.

Hội bắt cọp là một phong tục dân gian ngày Tết độc đáo của người dân Tiên Phước vào những ngày Tết, đầu xuân. Đây cũng là một dịp vui chơi giải trí, đồng thời qua đó biểu lộ giữa các làng tinh thần dũng cảm, mưu trí của mọi người trong hội bắt cọp đầu năm.

Tiếc rằng từ cuộc kháng chiến chống Pháp đến nay, hội bắt cọp đầu năm không còn tổ chức vào những ngày vui xuân, đón Tết của Tiên Phước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Việt Nam phong tục. Phan Kế Bính. Hà Nội. 1999

2. Ô châu cận lục. Dương Văn An. NXB/KHXH. Hà Nội 1997. Cũng xem bản dịch của Bùi Lương. Sài Gòn . 1961

3. Mùa xuân và phong tục Quảng Nam. NXB/VH. Hà Nội.1976

4. Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam . Trần Văn Giàu. NXB/KHXH. Hà Nội 1980

5. Văn nghệ dân gian Quảng Nam - Đà Nẵng (tập 1). NXB . ĐN. 1983

6. Làng xóm Việt Nam - nếp cũ. Toan ánh. NCTT. Sài Gòn 1968.

7. Nếp cũ, con người Việt Nam, phong tục cổ truyền. Toan ánh. NXB. Hà Nội 1985

8. Người Việt đất Việt. Cửu Long Giang, Toan ánh. Sài Gòn. 1967

9. Truyền thống dân tộc Việt Nam . Lê Văn Siêu. HĐP/Sài Gòn.1968

11. Cách trang trí và làm đồ trang sức Quảng Nam - Đà Nẵng NXB/ĐN. 1989

13. Đại Nam nhất thống chí. Quốc sử quán Triều Nguyễn, NXB. Thuận Hòa. 1997

14. Lịch sử Việt Nam (tập 1). NXB. KHXH. 1971

15. Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (tập 1, 2, 3). NXB. ĐN. 1996

18. Nguyễn Trãi tòan tập. NXB, KHXH. Hà Nội 1976

19. Quảng Nam qua các thời đại (quyển thượng). Phan Du. CHTT. Quảng Nam.1974

20. Việt Nam Sử lược (tập 1, 2). Trần Trọng Kim. Bộ Giáo dục. TTHL. Sài Gòn 1971. Cũng xem NXB.

21. Một tài liệu về cuộc di dân Nam tiến của tiền nhân. Lâm Hòai Nam. Nha TTBC/Sài Gòn.1959.

23. Đất Quảng 50,51/1998; 65/1990

24. Non Nước số 9/12.1997

25. Hát sắc bùa làng Phổ Trạch. T/c Sông Hương, số 29/1988.

26. Công việc tìm hiểu lịch sử văn hóa vùng Quảng Nam - Đà Nẵng qua các gia phả. Võ Hoàng. Báo Quảng Nam - Đà Nẵng Chủ nhật. Số 49/1987.

27. Tuyển tập Nguyễn Văn Xuân, phần "Khi những lưu dân trở lại". NXB Đà Nẵng. 2002